

UBND TỈNH PHÚ YÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *23*/QĐ-ĐHPY

Phú Yên, ngày *04* tháng *9* năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Ngữ văn
trình độ đại học, hệ chính quy, khóa đào tạo 2020-2024**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 42/VBHN-VPQH, ngày 10 tháng 12 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 112/QĐ-TTg, ngày 24 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về việc phân công phụ trách Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo “Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định “Về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ”;

Căn cứ Quyết định số 414/QĐ-ĐHPY ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc Ban hành Quy chế học vụ trình độ đại học, trình độ cao đẳng (khối ngành I) hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng khoa Khoa học xã hội và Nhân văn Trường Đại học Phú Yên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo ngành **Sư phạm Ngữ văn (mã số 7140217)** trình độ đại học hệ chính quy, khóa đào tạo 2020-2024.

Điều 2. Căn cứ chương trình này, các khoa, bộ môn có trách nhiệm tổ chức cho giảng viên xây dựng *Đề cương chi tiết học phần* để sử dụng chính thức trong

giảng dạy. Chương trình này được công bố công khai cho sinh viên thuộc ngành đào tạo biết khi bắt đầu khóa học.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng khoa Khoa học xã hội và Nhân văn, các phòng, ban, khoa, bộ môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu ĐT, VT.



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Định

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 273/QĐ-ĐHPY ngày 04 tháng 9 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên)

Tên chương trình: SƯ PHẠM NGỮ VĂN
(Literature Teacher Education)

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

Ngành đào tạo: SƯ PHẠM NGỮ VĂN
(Literature Teacher Education)

Mã số: 7140217

Loại hình đào tạo: HỆ CHÍNH QUY

Loại bằng: CỬ NHÂN

Khoa quản lý: KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Website: www.pyu.edu.vn

1. Giới thiệu chung

- *Triết lý giáo dục của Trường Đại học Phú Yên: “Chất lượng – Hiệu quả - Sáng tạo – Vì cộng đồng”.*

- *Về chương trình và ngành đào tạo:* Chương trình sư phạm Ngữ văn trình độ đại học đào tạo chuyên sâu về Văn học, Ngôn ngữ và Phương pháp dạy học Ngữ văn, tạo nền tảng vững chắc cho sinh viên đáp ứng các yêu cầu và nhiệm vụ của nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp. Chương trình được thiết kế theo định hướng phát triển năng lực của người học, mang tính ứng dụng và thích ứng với sự đổi mới của chương trình phổ thông.

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Ngữ văn thuộc khối ngành sư phạm có kiến thức vững vàng về khoa học cơ bản và khoa học giáo dục; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có khả năng làm việc tốt, có tinh thần phục vụ cộng đồng.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

- PO1: Nắm vững kiến thức Ngữ văn (bao gồm kiến thức cơ sở, kiến thức ngành) và kiến thức nghiệp vụ sư phạm nhằm thực hiện tốt yêu cầu dạy học Ngữ văn và giáo dục học sinh ở trường phổ thông.

- PO2: Có hiểu biết về Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiến pháp, pháp luật Nhà nước và các vấn đề chung về kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường của Việt Nam và thế giới.

- PO3: Biết cách ứng dụng công nghệ thông tin vào thiết kế, tổ chức hoạt động dạy học Ngữ văn và thực hiện các nhiệm vụ ở trường phổ thông.

- PO4: Biết sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp và các hoạt động liên quan đến dạy học ở trường phổ thông.

2.2.2. Về kỹ năng

- PO5: Có kỹ năng cơ bản trong tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục ở trường phổ thông: kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học Ngữ văn (phân tích và phát triển chương trình Ngữ văn, lập kế hoạch dạy học, thiết kế hoạt động dạy học, tổ chức dạy học, sử

dụng các phương pháp dạy học hiện đại, kiểm tra và đánh giá kết quả dạy học); kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục (giáo dục đạo đức, giá trị nhân văn thông qua môn học Ngữ văn và các hoạt động giáo dục khác, tổ chức và quản lý lớp học, chủ nhiệm lớp, tư vấn hướng nghiệp, kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục).

- PO6: Có kỹ năng vận dụng tri thức Ngữ văn vào hoạt động thực tiễn (hoạt động báo chí, phê bình, sáng tác).

- PO7: Có kỹ năng ứng dụng CNTT vào hoạt động dạy học và giáo dục ở trường phổ thông.

- PO8: Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ vào các hoạt động liên quan đến dạy học và giáo dục.

2.2.3. Về thái độ

- PO9: Tâm huyết với nghề; có tinh thần cầu tiến, tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- PO10: Có ý thức tổ chức kỷ luật, thường xuyên giữ gìn, phát huy đạo đức nhà giáo trong công việc và cuộc sống; Có tinh thần đoàn kết, hợp tác với đồng nghiệp trong công việc; quan hệ, phối hợp với phụ huynh và cộng đồng dân cư trong công tác rèn luyện, giáo dục học sinh

2.2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Tinh thần hợp tác, đoàn kết, làm việc nhóm; quan hệ, phối hợp với phụ huynh và cộng đồng dân cư trong công tác rèn luyện, giáo dục học sinh.

- Có năng lực đánh giá, phát triển, đổi mới chương trình Ngữ văn trung học phổ thông và các hoạt động chuyên môn liên quan đến dạy học và giáo dục.

2.2.5. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

- Giáo viên Ngữ văn ở các trường phổ thông;

- Làm việc chuyên môn tại các trung tâm, các viện nghiên cứu, cơ quan báo chí.

2.2.6. Khả năng học tập nâng cao

- Tự học tập, nghiên cứu chuyên môn, nghiệp vụ để phát triển kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu của vị trí công tác.

- Học sau đại học ngành Văn học và một số chuyên ngành gần.

3. Chuẩn đầu ra

Theo Quyết định số 262/QĐ-ĐHPY ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc ban hành chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy, khóa tuyển sinh năm 2019.

3.1. Chuẩn đầu ra chung - PLO0: (theo Quyết định số 262/QĐ-ĐHPY)

3.2. Về kiến thức

- PLO1. Hiểu kiến thức cơ bản của khoa học xã hội để nghiên cứu và dạy học môn Ngữ văn trong chương trình giáo dục phổ thông.

- PLO 2. Vận dụng kiến thức chuyên ngành văn học, ngôn ngữ để nghiên cứu và dạy học môn Ngữ văn trong chương trình giáo dục phổ thông.

- PLO 3. Phân tích kiến thức khoa học sư phạm để dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn của học sinh ở trường trung học theo hướng phát triển năng lực.

- PLO 4. Vận dụng kiến thức về xây dựng môi trường giáo dục và phối hợp với phụ huynh học sinh, với các tổ chức xã hội thực hiện hoạt động dạy học và giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh phổ thông trong trung học.

3.3. Về kỹ năng

PLO 5. Thực hiện chính xác các kỹ năng tìm hiểu, nghiên cứu cơ bản của văn học và ngôn ngữ trong chương trình giáo dục phổ thông trung học.

PLO 6. Phối hợp nhiều kỹ năng trong dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn cho học sinh phổ thông trung học.

PLO 7. Thực hiện chính xác việc lựa chọn nội dung, phương pháp khi lập kế hoạch dạy học môn Ngữ văn và giáo dục học sinh phổ thông trung học.

PLO 8. Xử lý chính xác các tình huống sư phạm với học sinh và phụ huynh học sinh trong dạy học, giáo dục và các hoạt động trải nghiệm ở trường phổ thông trung học.

PLO 9. Thực hiện chính xác trong trao đổi, thảo luận, làm việc về công tác dạy học, giáo dục học sinh phổ thông trung học với các đồng nghiệp và các bên liên quan.

3.4. Về thái độ

PLO 10. Chấp nhận đạo đức theo tiêu chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông.

PLO 11. Chấp nhận tính nhân văn và truyền cảm hứng khi dạy học môn Ngữ văn.

3.5. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Chủ động, tự tin trong công việc dạy học môn Ngữ văn và giáo dục học sinh trung học phổ thông trong các điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau.

- Tham gia cùng với tổ bộ môn và nhà trường trong việc cập nhật kiến thức chuyên môn, vận dụng phù hợp, linh hoạt các phương pháp dạy học, dạy học tích hợp, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn và giáo dục học sinh.

- Có năng lực lập kế hoạch, năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và giáo dục học sinh phổ thông trung học.

- Trình bày có hiệu quả một công việc chuyên môn hay hoạt động dạy học, giáo dục học sinh với đồng nghiệp và lãnh đạo trường.

Bảng 3.1: Quan hệ đáp ứng giữa chuẩn đầu ra với mục tiêu của CTĐT.

Mục tiêu Pos	Chuẩn đầu ra PLOs											
	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
PO1		X	X	X		X	X	X		X		X
PO2					X				X		X	
PO3							X					
PO4							X					
PO5		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PO6		X	X			X						
PO7							X					
PO8							X					
PO9		X	X	X		X	X	X	X	X	X	X
PO10					X				X	X	X	X

4. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương. Các quy định khác theo quy chế Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy.

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Tổng số tín chỉ toàn khóa là **135** tín chỉ bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn (chưa kể Giáo dục thể chất 4 tín chỉ và Giáo dục quốc phòng – an ninh 8 tín chỉ).

STT	Cấu trúc kiến thức của chương trình	Tín chỉ	Tín chỉ bắt buộc	Tín chỉ tự chọn
1	Kiến thức giáo dục đại cương (chưa kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng-an ninh)	32	30	2
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	103	91	12
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	5	5	0
2.2	Kiến thức ngành	58	52	6
2.3	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm	26	20	6
2.4	Thực tập sư phạm tốt nghiệp	7	7	0
2.5	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế	7	7	0
Tổng cộng		135	121	14

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quyết định số 414/QĐ-ĐHPY ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc Ban hành Quy chế học vụ trình độ đại học, trình độ cao đẳng (khối ngành I) hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

Bảng 6.1: Mô tả sự chuyển tải triết lý giáo dục vào CTĐT

Chương trình đào tạo: Đại học Sư phạm Ngữ văn		Triết lý giáo dục			
		Chất lượng	Hiệu quả	Sáng tạo	Vì cộng đồng
Khối kiến thức trong chương trình đào tạo	Khối kiến thức đại cương	X			
	Khối kiến thức cơ sở ngành		X		
	Khối kiến thức chuyên ngành			X	
	Thực tập tốt nghiệp				X
	Luận văn tốt nghiệp/Học phần thay thế		X	X	
Hoạt động ngoại khóa	Nghiên cứu khoa học sinh viên	X	X	X	
	Thi nghiệp vụ/Thực hành nghề nghiệp	X	X	X	
	Các hoạt động khác:		X	X	X
	- Hoạt động văn nghệ, văn hóa, thể thao - Hiến máu tình nguyện - Chiến dịch tình nguyện "Mùa hè xanh"				
Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	PLO1	X	X		
	PLO2	X	X		
	PLO3	X	X		
	PLO4		X		X
	PLO5		X	X	
	PLO6	X	X		
	PLO7	X	X	X	
	PLO8		X		
	PLO9	X	X		
	PLO10	X	X		
	PLO11	X	X		

7. Nội dung chương trình

Bảng 7.1: Nội dung chương trình đào tạo

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Điều kiện tiên quyết (Theo số thứ tự HP)
				LT	BT/TL	TH/T	Tự học (nếu có)	
7.1	Kiến thức giáo dục đại cương		32	395	50	70	0	
7.1.1	Lí luận chính trị		11	165	0	0	0	
1	LC111013	Triết học Mác – Lênin	3	45	0	0	0	
2	LC112112	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	30	0	0	0	1
3	LC113112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	0	0	2
4	LC124112	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0	0	0	3
5	LC120012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	4
7.1.2	Khoa học xã hội – Nhân văn		8	100	5	30	0	
6	LC130012	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	1
7	XH140012	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	25	5	0	0	
8	TL111032	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	30	0	0	0	
9	TL111322	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm	2	15	0	30	0	
7.1.3	Ngoại ngữ		8	80	40	0	0	
10	NG116303	Tiếng Anh 1 (B1.1)	3	30	15	0	0	
11	NG116313	Tiếng Anh 2 (B1.2)	3	30	15	0	0	10
12	NG116322	Tiếng Anh 3 (B1.3)	2	20	10	0	0	11
7.1.4	Khoa học Tự nhiên - Công nghệ		3	25	0	40	0	
13	KC100013	Tin học đại cương	3	25	0	40	0	
7.1.5	Giáo dục thể chất		4	0	0	120	0	
14	TC120011	Giáo dục thể chất 1 (Thể dục)	1	0	0	30	0	
15	TC121011	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh)	1	0	0	30	0	14
16	TC122001	Giáo dục thể chất 3 (Thể thao tự chọn cơ bản)	1	0	0	30	0	15
17	TC123001	Giáo dục thể chất 4 (Thể thao tự chọn nâng cao)	1	0	0	30	0	16
7.1.6	Giáo dục quốc phòng – an ninh		8					
18	TC160018	Giáo dục quốc phòng – an ninh		8 tín chỉ = 165 tiết				
7.1.7	Tự chọn kiến thức giáo dục đại cương		2	25	5	0	0	
19	XH122672	Lịch sử Việt Nam đại cương	2	25	5	0	0	
20	LC110162	Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam	2	25	5	0	0	1
7.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		103	1150	230	120+ 315 giờ	0	
7.2.1	Kiến thức cơ sở ngành		5	70	5	0	0	
21	XH111013	Nguyên lý lý luận văn học	3	45	0	0	0	
22	XH113152	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	25	5	0	0	
7.2.2	Kiến thức ngành		58	745	125	0	0	
	- Bắt buộc		52	660	120	0	0	
23	XH113533	Hán Nôm 1	3	40	5	0	0	
24	XH113513	Hán Nôm 2	3	40	5	0	0	23
25	XH111023	Tác phẩm văn học và thể loại văn học	3	35	10	0	0	

26	XH112003	Văn học dân gian Việt Nam	3	40	5	0	0	
27	XH115063	Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII	3	35	10	0	0	
28	XH115053	Văn học Việt Nam từ thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX	3	35	10	0	0	27
29	XH115033	Văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945	3	35	10	0	0	28
30	XH115022	Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	2	25	5	0	0	29
31	XH115073	Văn học Việt Nam từ 1975 đến nay	3	45	0	0	0	30
32	XH115502	Văn học phương Tây từ Cổ đại đến Phục hưng	2	25	5	0	0	
33	XH111562	Văn học phương Tây từ thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XX	2	25	5	0	0	32
34	XH111533	Văn học Trung Quốc	3	35	10	0	0	
35	XH111572	Văn học Nhật Bản, Ấn Độ, Đông Nam Á	2	25	5	0	0	
36	XH111552	Văn học Nga	2	30	0	0	0	
37	XH116102	Lịch sử tiếng Việt & Ngữ âm tiếng Việt	2	25	5	0	0	
38	XH116112	Từ vựng- ngữ nghĩa tiếng Việt	2	25	5	0	0	
39	XH114023	Ngữ pháp tiếng Việt	3	35	10	0	0	
40	XH114182	Ngữ dụng học	2	25	5	0	0	
41	XH114092	Phong cách học tiếng Việt	2	25	5	0	0	
42	XH114142	Làm văn	2	30	0	0	0	
43	XH110332	Văn học và sân khấu, điện ảnh	2	25	5	0	0	
		- Tự chọn (6/12 tín chỉ)	6	85	5	0	0	
44	XH112132	Ngữ văn địa phương	2	30	0	0	0	
45	XH112092	Văn học dân gian các dân tộc ít người	2	30	0	0	0	26
46	XH111072	Nghiên cứu, phê bình văn học	2	30	0	0	0	
47	XH110082	Tiếp nhận văn học và dạy học văn bản văn học	2	30	0	0	0	
48	XH111032	Thi pháp học	2	25	5	0	0	
49	XH112072	Hệ thống thể loại văn học trung đại	2	25	5	0	0	
7.2.3		Kiến thức nghiệp vụ sư phạm	26	245	85	120	0	
		- Bắt buộc:	22	205	65	120	0	
50	TL110012	Tâm lý học đại cương	2	25	5	0	0	
51	TL110022	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	2	25	5	0	0	
52	TL100172	Giáo dục học 1	2	25	5	0	0	
53	TL111022	Giáo dục học 2	2	25	5	0	0	52
54	TL111232	Quản lý nhà trường	2	30	0	0	0	
55	TL110001	Rèn luyện NVSP thường xuyên 1	1	0	0	30	0	
56	TL110141	Rèn luyện NVSP thường xuyên 2	1	0	0	30	0	
57	TL110151	Rèn luyện NVSP thường xuyên 3	1	0	0	30	0	56
58	TL110161	Rèn luyện NVSP thường xuyên 4	1	0	0	30	0	57
59	XH100083	Phương pháp dạy học Văn	3	25	20	0	0	
60	XH100093	Phương pháp dạy học Tiếng Việt, Làm văn	3	25	20	0	0	59
61	XH111052	Từ Hán Việt với việc dạy học Ngữ văn trong nhà trường	2	25	5	0	0	
		- Tự chọn (4/8 tín chỉ)	4	40	20	0	0	
62	XH110922	Dạy học tác phẩm văn học nước ngoài	2	20	10	0	0	

		trong nhà trường THPT							
63	XH110932	Dạy học tác phẩm văn học dân gian trong nhà trường THPT	2	20	10	0	0		
64	XH110942	Dạy học tác phẩm văn học chữ Hán trong nhà trường THPT	2	20	10	0	0		
65	XH110952	Dạy học tác phẩm văn học trong nhà trường THPT theo đặc trưng thi pháp thể loại	2	20	10	0	0		
7.2.4	Thực tập sư phạm tốt nghiệp		7	0	0	315	0		
66	DT100027	Thực tập sư phạm tốt nghiệp (10 tuần)	7	0	0	315	0		
7.2.5	Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế		7	90	15	0	0		
7.2.5.1	Khóa luận tốt nghiệp		7						
7.2.5.2	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		7						
	- Bắt buộc		3	40	5	0	0		
67	XH110053	Tiền trình văn học Việt Nam	3	40	5	0	0		
	- Tự chọn (4/8 TC)		4	50	10	0	0		
68	XH110102	Tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp	2	20	10	0	0		
69	XH114072	Ngôn ngữ văn chương	2	20	10	0	0		
70	XH112292	Thơ Nôm trung đại	2	30	0	0	0		
71	XH111042	Thi pháp thơ Đường	2	30	0	0	0		34
Tổng cộng			135	1545	280	190+	315	0	
							giờ		

Ghi chú: Điều kiện tiên quyết thực hiện theo quy định của Trường Đại học Phú Yên

Bảng 7.2: Mô tả liên hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

I (Introduced) – HPs hỗ trợ đạt được PLOs ở mức giới thiệu/bắt đầu.

R (Reinforced) – HPs hỗ trợ đạt được PLOs ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội thực hành, thí nghiệm, thực tế

M (Mastery) – HPs hỗ trợ đạt được PLOs ở mức thuần thục.

A (Assessed) – HP quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được các PLO)

Học phần	Chuẩn đầu ra PLOs										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	I			I							
2											
3	I										
4	I										
5	I			I						I	
6				I						I	
7				I				I		I	I
8	I	R			R						
9			I	R		R	R	M			
10		I									
11		I									
12		I									

13				<i>I</i>				<i>I</i>			
14								<i>I</i>			
15								<i>I</i>			
16								<i>I</i>			
17	<i>I</i>										
18	<i>I</i>										
19	<i>I</i>	<i>I</i>		<i>I</i>			<i>I</i>		<i>I</i>		
20	<i>I</i>	<i>R</i>			<i>I</i>						
21	<i>I</i>	<i>I</i>			<i>I</i>		<i>I</i>		<i>I</i>		<i>I</i>
22	<i>I</i>	<i>I</i>			<i>I</i>		<i>I</i>		<i>I</i>		
23	<i>I</i>	<i>I</i>			<i>I</i>		<i>I</i>		<i>M</i>		<i>I</i>
24	<i>A</i>	<i>R</i>			<i>R</i>	<i>R</i>	<i>M</i>		<i>A</i>		<i>A</i>
25	<i>A</i>	<i>M</i>			<i>R</i>	<i>R</i>	<i>M</i>		<i>A</i>		<i>A</i>
26	<i>A</i>	<i>M</i>			<i>R</i>	<i>R</i>	<i>M</i>		<i>A</i>		<i>A</i>
27	<i>A</i>	<i>M</i>			<i>R</i>	<i>R</i>	<i>M</i>		<i>A</i>		<i>A</i>
28	<i>A</i>	<i>M</i>			<i>R</i>	<i>R</i>	<i>M</i>		<i>A</i>		<i>A</i>
29	<i>A</i>	<i>M</i>			<i>R</i>	<i>R</i>	<i>M</i>		<i>A</i>		<i>A</i>
30	<i>A</i>	<i>M</i>			<i>R</i>	<i>R</i>	<i>M</i>		<i>A</i>		<i>A</i>
31	<i>A</i>	<i>M</i>			<i>R</i>	<i>R</i>	<i>M</i>		<i>A</i>		<i>A</i>
32	<i>A</i>	<i>M</i>			<i>R</i>	<i>R</i>	<i>M</i>		<i>A</i>		<i>A</i>
33	<i>A</i>	<i>M</i>			<i>R</i>	<i>R</i>	<i>M</i>		<i>A</i>		<i>A</i>
34	<i>A</i>	<i>M</i>			<i>R</i>	<i>R</i>	<i>M</i>		<i>A</i>		<i>A</i>
35	<i>A</i>	<i>M</i>			<i>R</i>	<i>R</i>	<i>M</i>		<i>A</i>		<i>A</i>
36	<i>A</i>	<i>M</i>			<i>R</i>	<i>R</i>	<i>M</i>		<i>A</i>		<i>A</i>
37	<i>A</i>	<i>M</i>			<i>R</i>	<i>R</i>	<i>M</i>		<i>A</i>		<i>A</i>
38	<i>A</i>	<i>M</i>			<i>R</i>	<i>R</i>	<i>M</i>		<i>A</i>		<i>A</i>
39	<i>A</i>	<i>M</i>			<i>R</i>	<i>R</i>	<i>M</i>		<i>A</i>		<i>A</i>
40	<i>A</i>	<i>M</i>			<i>R</i>	<i>R</i>	<i>M</i>		<i>A</i>		<i>A</i>
41	<i>I</i>	<i>I</i>			<i>I</i>		<i>I</i>				
42	<i>I</i>	<i>R</i>			<i>R</i>	<i>R</i>	<i>M</i>		<i>A</i>		<i>A</i>
43	<i>I</i>	<i>R</i>			<i>R</i>	<i>R</i>	<i>M</i>		<i>A</i>		<i>A</i>
44	<i>I</i>	<i>R</i>			<i>R</i>		<i>A</i>		<i>A</i>		<i>A</i>
45	<i>I</i>	<i>R</i>			<i>R</i>		<i>R</i>				<i>I</i>
46	<i>I</i>	<i>R</i>			<i>I</i>	<i>I</i>	<i>I</i>		<i>A</i>		<i>I</i>
47	<i>I</i>	<i>R</i>			<i>I</i>	<i>I</i>	<i>I</i>		<i>A</i>		<i>I</i>
48				<i>I</i>	<i>I</i>				<i>R</i>		<i>R</i>
49				<i>I</i>	<i>R</i>				<i>M</i>		
50				<i>R</i>					<i>R</i>	<i>A</i>	
51				<i>I</i>			<i>I</i>		<i>I</i>	<i>I</i>	
52					<i>I</i>				<i>R</i>		
53				<i>R</i>	<i>R</i>				<i>I</i>	<i>R</i>	<i>A</i>
54				<i>R</i>	<i>R</i>				<i>I</i>	<i>R</i>	
55			<i>I</i>	<i>R</i>	<i>R</i>	<i>R</i>	<i>M</i>		<i>M</i>	<i>M</i>	<i>M</i>
56			<i>R</i>	<i>R</i>	<i>R</i>	<i>R</i>	<i>M</i>		<i>M</i>	<i>M</i>	<i>M</i>
57	<i>I</i>	<i>R</i>	<i>I</i>	<i>R</i>	<i>R</i>	<i>R</i>	<i>M</i>		<i>R</i>	<i>M</i>	<i>R</i>
58	<i>I</i>	<i>R</i>	<i>I</i>	<i>R</i>	<i>R</i>	<i>R</i>	<i>M</i>		<i>R</i>	<i>M</i>	<i>R</i>
59	<i>R</i>	<i>R</i>			<i>I</i>	<i>I</i>	<i>I</i>		<i>M</i>		<i>I</i>

60	I	R	R		R	R	M		M		I
61	I	R	R		R	R	M		M		I
62	I	R	R		R	R	M		M		I
63	I	R	R		R	R	M		M		I
64	I	I	R	R	R	R	M		I		R
65	A	M			I	I	R		A		I
66	I	R			R		R				I
67	I	R			R		R		R		I
68	I	R			I	I	I		A		I
69	I	R			I	I	I		A		I
70		I		R		R	I				
71		R		I	I	I		A		R	

8. Kế hoạch giảng dạy (Dự kiến)

8.1. Học kỳ I: 17 TC (Bắt buộc)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	LC111013	Triết học Mác - Lênin	3	45	0	0	0	
2	TC120011	Giáo dục thể chất 1 (Thể dục)	1	0	0	30	0	
3	NG116303	Tiếng Anh 1 (B1.1)	3	30	15	0	0	
4	XH113533	Hán Nôm 1	3	40	5	0	0	
6	XH113152	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	25	5	0	0	
7	XH111013	Nguyên lý lý luận văn học	3	45	0	0	0	
8	XH112003	Văn học dân gian Việt Nam	3	40	5	0	0	
Tổng cộng			17	225	30	0	0	

8.2. Học kỳ II: 18 TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	LC112112	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	0	0	0	
2	TC121011	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh)	1	0	0	30	0	
3	NG116313	Tiếng Anh 2 (B1.2)	3	30	15	0	0	
4	KC100013	Tin học đại cương	3	25	0	40	0	
5	TL110012	Tâm lý học đại cương	2	25	5	0	0	
6	XH113513	Hán Nôm 2	3	40	5	0	0	
7	XH115063	Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII	3	35	10	0	0	
8	XH116102	Lịch sử tiếng Việt và ngữ âm tiếng Việt	2	25	5	0	0	
Tổng cộng			18	210	40	40	0	

8.3. Học kỳ III: 18 TC (Bắt buộc: 16 TC, Tự chọn: 2 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
- Bắt buộc:			16	180	30	60	0	
1	LC113112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	0	0	
2	TC122001	Giáo dục thể chất 3	1	0	0	30	0	
3	NG116322	Tiếng Anh 3 (B1.3)	2	20	10	0	0	
4	LC130012	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	
5	TL111322	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm	2	15	0	30	0	
6	TL110022	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	2	25	5	0	0	
7	TL100172	Giáo dục học 1	2	25	5	0	0	
8	TL110001	Rèn luyện NVSP thường xuyên 1	1	0	0	30	0	
9	XH115053	Văn học Việt Nam từ thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX	3	35	10	0	0	
- Tự chọn:			2	25	5	0	0	
10	XH111032	Thi pháp học	2	25	5	0	0	Chọn
11	XH112072	Hệ thống thể loại văn học trung đại	2	25	5	0	0	2/4 TC
Tổng cộng			18	205	35	60	0	

8.4. Học kỳ IV: 16 TC (bắt buộc: 14 TC, tự chọn: 2 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
- Bắt buộc:			14	165	30	30	0	
1	LC124112	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0	0	0	
2	TC140008	Giáo dục quốc phòng - an ninh	8	8 tín chỉ = 165 tiết				
3	TC123001	Giáo dục thể chất 4 (thể thao tự chọn nâng cao)	1	0	0	30	0	
4	TL111022	Giáo dục học 2	2	25	5	0	0	
5	TL110141	Rèn luyện NVSP thường xuyên 2	1	0	0	30	0	
6	XH115033	Văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX - 1945	3	35	10	0	0	
7	XH116112	Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt	2	25	5	0	0	
8	XH115502	Văn học phương Tây từ cổ đại đến Phục hưng	2	25	5	0	0	
9	XH140012	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	25	5	0	0	
- Tự chọn:			2	25	5	0	0	
11	XH122672	Lịch sử Việt Nam đại cương	2	25	5	0	0	Chọn
12	LC110162	Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam	2	25	5	0	0	2/4 TC
Tổng cộng			16	190	35	30	0	

8.5. Học kỳ V: 18 TC (Bắt buộc: 16 TC, Tự chọn: 2 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
- Bắt buộc:			16	180	45	0	0	
1	LC120012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	
2	TL110151	Rèn luyện NVSP thường xuyên 3	1	0	0	30	0	
3	XH100083	Phương pháp dạy học Văn	3	25	20	0	0	
4	TL111032	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	30	0	0	0	
5	XH115022	Văn học Việt Nam từ 1945 - 1975	2	25	5	0	0	
6	XH114023	Ngữ pháp tiếng Việt	3	35	10	0	0	
7	XH111023	Tác phẩm văn học và thể loại văn học	3	35	10	0	0	
- Tự chọn:			2	30	0	0	0	
8	XH111072	Nghiên cứu, phê bình văn học	2	30	0	0	0	Chọn 2/4 TC
9	XH110082	Tiếp nhận văn học và dạy học văn bản văn học	2	30	0	0	0	
Tổng cộng			18	210	45	30	0	

8.6. Học kỳ VI: 18 TC (bắt buộc: 16 TC, tự chọn: 2 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
- Bắt buộc:			16	185	40	30	0	
1	XH111562	Văn học phương Tây từ thế kỉ XVII đến cuối thế kỉ XX	2	25	5	0	0	
2	TL110161	Rèn luyện NVSP thường xuyên 4	1	0	0	30	0	
3	XH114092	Phong cách học tiếng Việt	2	25	5	0	0	
4	XH100093	Phương pháp dạy học Tiếng Việt, Làm văn	3	25	20	0	0	
5	XH111533	Văn học Trung Quốc	3	35	10	0	0	
6	XH115073	Văn học Việt Nam từ 1975 đến nay	3	45	0	0	0	
7	XH114142	Làm văn	2	30	0	0	0	
- Tự chọn:			2	20	10	0	0	
8	XH110922	Dạy học tác phẩm văn học nước ngoài trong nhà trường THPT	2	20	10	0	0	Chọn 2/4 TC
9	XH110932	Dạy học tác phẩm văn học dân gian trong nhà trường THPT	2	20	10	0	0	
Tổng cộng			18	205	50	30	0	

8.7. Học kỳ VII: 14 TC (bắt buộc: 10 TC, tự chọn: 4 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
- Bắt buộc:			10	135	15	0	0	
1	TL111232	Quản lý nhà trường	2	30	0	0	0	
2	XH114032	Ngữ dụng học	2	25	5	0	0	
3	XH115542	Văn học Nhật Bản, Ấn Độ, Đông Nam Á	2	25	5	0	0	
4	XH111552	Văn học Nga	2	30	0	0	0	
5	XH111052	Từ Hán Việt với việc dạy học Ngữ văn trong nhà trường	2	25	5	0	0	
- Tự chọn:			4	50	10	0	0	
6	XH110942	Dạy học tác phẩm văn học chữ Hán trong nhà trường THPT	2	20	10	0	0	Chọn 2/4 TC
7	XH110952	Dạy học tác phẩm văn học trong nhà trường THPT theo đặc trưng thi pháp thể loại	2	20	10	0	0	
8	XH112132	Ngữ văn địa phương	2	30	0	0	0	Chọn
9	XH112092	Văn học dân gian các dân tộc ít người	2	30	0	0	0	2/4 TC
Tổng cộng			14	185	25	0	0	

8.8. Học kỳ VIII: 16 TC (bắt buộc: 12 TC, tự chọn: 4 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	DT100027	Thực tập sư phạm tốt nghiệp	7	0	0	315 giờ	0	10 tuần
2	XH110332	Văn học và sân khấu, điện ảnh	2	25	5	0	0	
3	Khóa luận Tốt nghiệp / Học phần thay thế		7	90	15	0	0	
3a	Khóa luận tốt nghiệp		7					
3b	Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		7	90	15	0	0	
- Bắt buộc:			3	40	5	0	0	
4	XH110053	Tiến trình văn học Việt Nam	3	40	5	0	0	
- Tự chọn:			4	50	10	0	0	
5	XH110102	Tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp	2	20	10	0	0	Chọn 2/4 TC
6	XH114072	Ngôn ngữ văn chương	2	20	10	0	0	
7	XH112122	Thơ Nôm trung đại	2	30	0	0	0	Chọn
8	XH111042	Thi pháp thơ Đường	2	30	0	0	0	2/4 TC
Tổng cộng			16	115	20	315 giờ	0	

9. Mô tả tóm tắt nội dung cần đạt được của học phần

9.1. Triết học Mác – Lênin

3TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Khái quát về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của Triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội.

Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử: hình thái kinh tế xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, triết học về con người.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần Lý luận chính trị tiếp theo (Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

9.2. Kinh tế chính trị Mác- Lênin

2TC

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin

Kinh tế chính trị Mác-Lênin là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác - Lênin, có quan hệ mật thiết với Triết học Mác - Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Kinh tế chính trị Mác-Lênin là môn khoa học cơ bản, làm cơ sở cho việc xác định đường lối, chính sách kinh tế của nhà nước; làm cơ sở cho việc nghiên cứu các môn khoa học kinh tế ngành và quản lý kinh tế.

Kinh tế chính trị Mác – Lênin cung cấp hệ thống tri thức lý luận về: Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần Lý luận chính trị tiếp theo (Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

9.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2TC

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin; Kinh tế chính trị Mác-Lênin.

Học phần cung cấp những tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học (một trong ba bộ phận cấu thành Chủ nghĩa Mác-Lênin): quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Cơ cấu xã hội-giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần Lý luận chính trị tiếp theo (Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

9.4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

2TC

Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân

Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).

Góp phần khẳng định những thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

9.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

2TC

Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Về Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Về văn hóa, đạo đức, con người.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

9.6. Pháp luật đại cương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về lý luận nhà nước và pháp luật; Các vấn đề về Nhà nước và pháp luật Việt Nam như: Tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Về kết cấu, cách xây dựng và áp dụng quy phạm pháp luật ở Việt Nam; Về một số nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

9.7. Cơ sở văn hoá Việt Nam

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần giới thiệu những kiến thức khái quát về văn hoá Việt Nam: Khái niệm về văn hoá Việt Nam; Tiến trình văn hoá Việt Nam; Các thành tố của văn hoá Việt Nam như văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức đời sống, văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội...

9.8 . Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học đại cương.

Cung cấp những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, về bản chất của nghiên cứu khoa học cũng như cấu trúc logic của một công trình khoa học; các thao tác nghiên cứu khoa học, xây dựng, chứng minh và trình bày các luận điểm khoa học; phương pháp trình bày một báo cáo khoa học; viết được một công trình khoa học và bước đầu biết vận dụng kỹ năng nghiên cứu khoa học vào việc học tập ở đại học.

9.9. Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần bao gồm: Các khái niệm cơ bản: Hoạt động, hoạt động trải nghiệm, hoạt động trải nghiệm sáng tạo; Vị trí, mục tiêu và đặc điểm của hoạt động trải nghiệm; Nội dung hoạt động trải nghiệm ở trường trung học phổ thông; Phương pháp và

hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm; Cách thức đánh giá hoạt động trải nghiệm. Thực hành thiết kế và tổ chức một số hoạt động trải nghiệm phù hợp với học sinh trung học phổ thông.

9.10. Tiếng Anh 1 (B1.1)

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở đầu trình độ trung cấp bậc 3 (B1.1) trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn bậc 3 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam).

9.11. Tiếng Anh 2 (B1.2)

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1

Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở giữa trình độ trung cấp bậc 3 (B1.2) trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn bậc 3 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam).

9.12. Tiếng Anh 3 (B1.3)

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2

Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở cuối trình độ trung cấp bậc 3 (B1.3) trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn bậc 3 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam). Cuối học phần này, sinh viên có thể tham dự các kỳ thi lấy chứng chỉ năng lực Tiếng Anh bậc 3 –B1.

9.13. Tin học đại cương

3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần bao gồm các phần:

Những hiểu biết về công nghệ thông tin (CNTT) cơ bản: máy tính và mạng máy tính, các ứng dụng của CNTT và truyền thông, các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính.

Cách sử dụng máy tính cơ bản: các hiểu biết cơ bản để bắt đầu làm việc với máy tính, làm việc với Hệ điều hành, quản lý thư mục và tệp, một số phần mềm tiện ích, sử dụng tiếng Việt, sử dụng máy in.

Sử dụng Internet cơ bản: giới thiệu mạng máy tính, mạng Internet, một số công cụ tìm kiếm, trình duyệt web, thư điện tử.

Soạn thảo văn bản bằng phần mềm Microsoft Word; trình bày báo cáo, giáo án trình chiếu trên máy chiếu bằng phần mềm Microsoft Powerpoint; nhập liệu và thao tác với bảng tính điện tử, sử dụng các phép toán và các hàm để xử lý số liệu và vẽ đồ thị bằng phần mềm Microsoft Excel.

9.14. Giáo dục thể chất 1 (Thể dục)

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống các động tác của bài thể dục phát triển chung, bài thể dục nhào lộn, bài thể dục nhảy dây ngắn nhằm giúp cho sinh viên rèn luyện sức khỏe tốt, phát triển các tố chất thể lực.

9.15. Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh)

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1 (Thể dục)

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về ý nghĩa, tác dụng và kỹ thuật của môn đẩy tạ kiểu lưng hướng ném, môn nhảy xa kiểu uốn thân, một số điều luật thi đấu môn nhảy xa và đẩy tạ.

9.16. Giáo dục thể chất 3 (chọn 1 trong 5 học phần) 1 TC

9.16.1. Cầu lông 1 1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử sự ra đời và phát triển môn cầu lông; kiến thức kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông; phổ biến một số điều luật về sân bãi, dụng cụ và thi đấu đơn.

9.16.2. Bóng chuyền 1 1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng chuyền; phổ biến một số điều luật cơ bản.

9.16.3. Bóng đá 1 1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng đá; phổ biến luật bóng đá 5 người; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.

9.16.4. Bóng bàn 1 1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng bàn; phổ biến luật thi đấu đơn.

9.16.5. Võ Cổ truyền 1 1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản môn Võ thuật cổ truyền Việt Nam; nắm được ý nghĩa, tác dụng của việc luyện tập các môn học này đối với cơ thể con người, vận dụng môn học để rèn luyện nhằm nâng cao các tố chất thể lực cho cơ thể.

9.17. Giáo dục thể chất 4 (chọn 1 trong 5 học phần) 1 TC

9.17.1. Cầu lông 2 1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh, Cầu lông 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn cầu lông; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật.

9.17.2. Bóng chuyền 2 1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh, Bóng chuyền 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn bóng chuyền; phổ biến luật thi đấu; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.

9.17.3. Bóng đá 2 1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh, Bóng đá 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn bóng đá; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật bóng đá 7 người.

9.17.4. Bóng bàn 2 1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh, Bóng bàn 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn bóng bàn; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật đánh đôi.

9.17.5. Võ Cổ truyền 2 1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh, Võ Cổ truyền 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn võ cổ truyền; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật.

9.18. Giáo dục quốc phòng - an ninh

8 TC

Nội dung ban hành kèm theo Thông tư số: 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường TCSP, CĐSP và cơ sở giáo dục đại học.

9.19. Lịch sử Việt Nam đại cương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung giới thiệu khái quát và hệ thống về lịch sử Việt Nam, các giai đoạn phát triển, các sự kiện lịch sử tiêu biểu và những đặc điểm cơ bản.

9.20. Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin

Học phần cung cấp những tri thức về lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam.

Học phần có những nội dung cơ bản sau:

Những kiến thức cơ bản về tư tưởng Ấn Độ cổ đại với các trường phái tư tưởng triết học (đi sâu nghiên cứu tư tưởng triết học Phật giáo). Nội dung cơ bản của tư tưởng Trung Quốc thông qua các trường phái tư tưởng chính, quá trình phát triển và ảnh hưởng của nó đối với thế giới. Tư tưởng Hồi giáo, sự hình thành và phát triển.

Tư tưởng Việt Nam nghiên cứu về tư tưởng triết học, tư tưởng chính trị và tư tưởng tôn giáo. Đối với mỗi thành tố tư tưởng, học phần giới thiệu về cội nguồn, nội dung và đóng góp của nó đối với thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận của con người Việt Nam, cũng như thực tiễn dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam.

9.21. Nguyên lý lý luận văn học

3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn học (các mối quan hệ, đặc trưng văn học, các chức năng và tính khuynh hướng, quá trình sáng tạo của nhà văn và quá trình tiếp nhận tác phẩm văn học).

Giúp cho sinh viên hiểu được những nguyên lý tổng quát và nắm được các khái niệm của lý luận văn học, đồng thời cũng rèn luyện kỹ năng phát hiện các vấn đề trong đời sống văn học, đánh giá đúng các hiện tượng văn chương.

9.22. Dẫn luận ngôn ngữ học

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và ngôn ngữ học: bản chất và chức năng của ngôn ngữ, phân loại ngôn ngữ theo loại hình và nguồn gốc, hệ thống-cấu trúc ngôn ngữ; các đặc trưng ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa của các ngôn ngữ trên thế giới để làm nền tảng cho việc học các học phần tiếng Việt tiếp theo.

9.23. Hán Nôm 1

3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần trang bị cho sinh viên cách cấu tạo chữ Hán, bộ thủ, cách viết chữ Hán và cung cấp những chữ Hán thường xuất hiện với tư cách các từ tố trong từ Hán Việt nhằm góp phần tạo tiềm lực minh giải ý nghĩa của từ Hán Việt; minh giải một số văn bản chữ Hán (thơ văn chữ Hán thời Lý – Trần).

9.24. Hán Nôm 2

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Hán Nôm 1

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức liên quan đến văn bản Hán cổ như giải nghĩa của từ, đặc điểm ngữ pháp để có thể đọc, phiên âm và dịch được các tác phẩm văn bản Hán cổ (thơ văn chữ Hán thời Trần – Lê);

Cung cấp những kiến thức cơ bản về cách đọc hiểu chữ Nôm và từ ngữ Việt cổ nhằm góp phần tạo dựng khả năng đọc hiểu các văn bản cổ bằng chữ Nôm.

9.25. Tác phẩm văn học và thể loại văn học

3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Cung cấp kiến thức chuyên sâu về tác phẩm văn học với tư cách là một chỉnh thể thẩm mỹ với các thành tố cấu thành cơ bản như: chủ đề, đề tài, nhân vật... - chìa khóa để sinh viên khám phá, giải mã, phân tích, đánh giá tác phẩm văn học.

Cung cấp kiến thức lý luận về ba phương thức biểu đạt chính của văn học: tự sự, trữ tình, kịch (nguồn gốc, quá trình hình thành các loại thể văn học, quan niệm về thể loại qua các thời đại lịch sử).

Giới thiệu tiến trình văn học và sự vận động, biến đổi của văn học trong quá trình phát triển.

9.26. Văn học dân gian Việt Nam

3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần này giới thiệu khái quát những kiến thức về văn học dân gian đồng thời giúp người học hiểu, cảm nhận và phân tích được một số tác phẩm văn học dân gian tiêu biểu cho từng thể loại. Thông qua đó, người học sẽ nhận thức sâu sắc hơn về giá trị của văn học dân gian cũng như vai trò của văn học dân gian trong đời sống tinh thần của dân tộc. Học phần này cũng có vai trò mở đầu giúp người học tiếp cận với các học phần văn học khác.

9.27. Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII

3TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XVII cung cấp cho người học những kiến thức hệ thống và căn bản về tiến trình văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XVII như văn học Lý-Trần, văn học đời Lê và đi sâu tìm hiểu các tác giả, tác phẩm tiêu biểu. Thông qua đó, học phần nhằm trang bị những kiến thức, kĩ năng nghiên cứu văn học, giúp sinh viên có hứng thú tìm hiểu các giá trị văn học của dân tộc.

9.28. Văn học Việt Nam từ thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII

Học phần Văn học Việt Nam từ thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX cung cấp cho người học những kiến thức về tiến trình văn học Việt Nam từ thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX. Thông qua việc giới thiệu, phân tích những tác giả, tác phẩm tiêu biểu, học phần này còn hướng đến việc rèn luyện kĩ năng phân tích và nâng cao khả năng cảm thụ văn chương cho sinh viên.

9.29. Văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945

3 TC

Điều kiện tiên quyết : Văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX

Cung cấp những kiến thức cơ bản, có hệ thống về diện mạo văn học sử, những đặc điểm cơ bản và những trào lưu, trường phái của văn học diễn ra vào nửa đầu thế kỷ XX. Bên cạnh việc giới thiệu, phân tích một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của giai đoạn, học phần này còn đi sâu vào việc diễn giải và phân tích quá trình hiện đại hóa của văn học Việt Nam, thành tựu và những đóng góp đối với văn học dân tộc.

9.30. Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản của văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975; những đặc điểm và qui luật của tiến trình văn học, những thể loại chính, những thành tựu và những hạn chế, những tác gia tiêu biểu của văn học Việt Nam. Khi phân tích, bình giảng tác phẩm văn học, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng phân tích tác phẩm văn học hiện đại.

9.31. Văn học Việt Nam từ 1975 đến nay

3 TC

Điều kiện tiên quyết : Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975

Cung cấp những kiến thức cơ bản về diện mạo văn học Việt Nam từ sau năm 1975 đến nay, như: bối cảnh lịch sử, tình hình sáng tác, đội ngũ sáng tác, quá trình vận động đổi mới văn học, sự thay đổi trong quan niệm sáng tác, những thành tựu đạt được; đi sâu tìm hiểu sự phát triển và những thành tựu của thể loại thơ và văn xuôi Việt Nam giai đoạn sau 1975.

Cung cấp một số thông tin và cách tiếp nhận thông tin về đời sống văn học hiện thời, những vấn đề cần tranh luận, trao đổi và những vấn đề liên quan đến sự phát triển văn học trong xu hướng toàn cầu và hội nhập như hiện nay.

9.32. Văn học phương Tây từ Cổ đại đến Phục Hưng

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và hệ thống về văn học phương Tây từ Cổ đại đến thời kì Phục Hưng. Học phần này sẽ tập trung giới thiệu và phân tích những đặc điểm và thành tựu của văn học Hy Lạp cổ đại (như thần thoại Hy Lạp, anh hùng ca Homère, một số tác phẩm bi kịch Hy Lạp của Eschyle, Sophocle, Euripide...) và văn học phương Tây thời Phục Hưng (như Dante (Italia), Francois Rabelais (Pháp), Miguel de Cervantes (Tây Ban Nha), William Shakespeare (Anh)...

9.33. Văn học phương Tây từ thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XX

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Văn học phương Tây từ Cổ đại đến Phục Hưng

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và hệ thống về đặc điểm và thành tựu của văn học phương Tây từ thế kỉ XVII đến thế kỉ XX. Học phần cũng tập trung giới thiệu và phân tích một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu trong từng thế kỉ như Pierre Corneil (Pháp), Jean Racine (Pháp), Molière (Pháp),...(thế kỉ XVII); Voltaire (Pháp), Daniel Defoe (Anh), Johann Wolfgang Goethe (Đức),...(thế kỉ XVIII); Victor Hugo (Pháp), Stendhal (Pháp), Honoré de Balzac (Pháp), Charles Dickens (Anh), William Thackeray (Anh), Henrich Heine (Đức),...(thế kỉ XIX); Bertolt Brecht (Đức), Frank Kafka (Tiệp Khắc), G.G.Marquez (Colombia), Ernest Hemingway (Mỹ), Jean P.Sartre (Pháp), Albert Camus (Pháp), Bernard Shaw (Anh),...(thế kỉ XX);...

9.34. Văn học Trung Quốc

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần này cung cấp những kiến thức căn bản và hệ thống về văn học sử và các giá trị lớn của văn học Trung Quốc từ thời Tiên Tần đến nay, những đặc trưng thể loại, motip nhân vật, các giai đoạn và các tác gia tiêu biểu. Đặc biệt học phần này đi sâu vào tìm hiểu, phân tích một số tác phẩm Kinh thi, từ Tống, thơ Đường và tiểu thuyết thời Minh Thanh... Học phần giúp cho sinh viên nhận thức, đánh giá được cơ bản về thành tựu của văn học Trung Quốc và hiểu được những tác động, ảnh hưởng của văn học Trung Quốc đối với văn học Việt Nam và các nước đồng văn khác như Nhật Bản, Hàn Quốc.

9.35. Văn học Nhật Bản, Ấn Độ, Đông Nam Á

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần này cung cấp những kiến thức căn bản và hệ thống về diện mạo và những đặc điểm chính của nền văn học Ấn Độ, Nhật Bản và của một số nước ở Đông Nam Á. Học phần sẽ đi sâu vào phân tích một số thành tựu tiêu biểu của Văn học Ấn Độ (như sử thi Ramayana, sử thi Mahabharata, tác giả Rabindranath Tagore,...), Văn học Nhật Bản (như Truyện Genji, thơ Haiku, tác giả Kawabata Yasunary,...) và một số nền văn học của một số nước Đông Nam Á như Văn học Thái Lan, Văn học Campuchia,... Học phần cũng tìm hiểu thêm mối liên hệ, một số nét tương đồng, dị biệt giữa văn học Việt Nam và văn học các nước trong khu vực.

9.36. Văn học Nga**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp những kiến thức căn bản và hệ thống về văn học Nga, chủ yếu trong hai thế kỉ XIX và thế kỉ XX. Học phần này sẽ tập trung giới thiệu và phân tích những đặc điểm và thành tựu của Văn học Nga trong thế kỉ XIX (với các tác giả A.X.Puskin, N.V.Gogol, V.G.Bielinsky, F.M.Dostoyevsky, L.Tolstoy, A.Shekhov,...) và Văn học Nga trong thế kỉ XX (với các tác giả như A.M.Gorki, V.V.Maikovsky, M.A.Solokhov,...)

9.37. Lịch sử tiếng Việt và Ngữ âm tiếng Việt**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần này cung cấp kiến thức về nguồn gốc, quá trình phát triển về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, chữ viết tiếng Việt nhằm phục vụ cho việc giảng dạy ở trường phổ thông và việc nghiên cứu, học tập những hiện tượng cụ thể của tiếng Việt trong các vùng phương ngữ và trong tiếng Việt hiện đại...

Giới thiệu khái quát các kiến thức về cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của âm thanh ngôn ngữ, giới thiệu đặc điểm cấu tạo âm tiết và hệ thống âm vị tiếng Việt, một số vấn đề chính âm, chính tả tiếng Việt...

9.38. Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung giới thiệu từ vựng học đại cương: Đơn vị từ - hệ thống từ vựng - các loại quan hệ hình thức cấu tạo và nội dung ngữ nghĩa của hệ thống từ vựng, các phương pháp nghiên cứu từ vựng học; đặc điểm hình thức và đặc điểm nội dung của hệ thống từ ngữ tiếng Việt; việc phân chia các lớp từ và vận dụng các kiến thức từ vựng học để phân tích tác phẩm văn học.

9.39. Ngữ pháp tiếng Việt**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Cung cấp cho người học kiến thức ngữ pháp đại cương: ý nghĩa ngữ pháp, hình thức ngữ pháp, phương thức ngữ pháp, phạm trù ngữ pháp, đơn vị ngữ pháp...; giới thiệu khái quát các trường phái nghiên cứu ngữ pháp: ngữ pháp truyền thống, ngữ pháp chức năng; nghiên cứu và phân tích cấu trúc cú pháp tiếng Việt; vận dụng kiến thức về ngữ pháp học để nói, viết và đánh giá tác phẩm văn học...

9.40. Ngữ dụng học**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ dụng học như vấn đề chi xuất, lý thuyết hành động ngôn từ, vấn đề hội thoại và các phương châm hội thoại, ý nghĩa hàm ẩn (các loại ý nghĩa hàm ẩn và cơ chế hình thành ý nghĩa hàm ẩn). Rèn luyện cho sinh viên phương pháp và thao tác phân tích những hiện tượng ngữ dụng tiếng Việt.

9.41. Phong cách học tiếng Việt**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phong cách học tiếng Việt như: khái niệm và cơ sở phân tích các phong cách chức năng, nét đặc trưng của các phong cách chức năng tiếng Việt, các phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt. Rèn cho sinh viên nắm vững phương pháp và thao tác phân tích những hiện tượng cụ thể của phong cách học tiếng Việt.

9.42. Làm văn**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần tiếp cận các loại văn bản thông dụng trong nhà trường phổ thông và trong đời sống. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên nắm vững cách thức xây dựng,

thực hành viết các dạng bài văn nghị luận như văn nghị luận xã hội và văn nghị luận văn học. Từ đó, tạo cơ sở để sinh viên có thể dạy tốt môn Tập làm văn trong nhà trường THPT và THCS.

9.43. Văn học và sân khấu, điện ảnh

2TC

Học phần có nội dung là những kiến thức cơ bản nhất về bản chất và nguồn gốc của nghệ thuật. Trên cơ sở đó, học phần sẽ đi sâu phân tích các loại hình nghệ thuật: nghệ thuật ngôn từ, nghệ thuật biểu diễn và nghệ thuật tổng hợp; mối quan hệ giữa văn học và sân khấu, điện ảnh. Học phần cũng giới thiệu và phân tích mối quan hệ qua lại giữa sáng tác và thưởng thức; giữa nghệ sĩ và hiện thực đời sống xã hội; sự tác động qua lại giữa bản thân đối tượng nghệ thuật và nhu cầu thưởng thức cái đẹp của công chúng trong đời sống xã hội.

9.44. Ngữ văn địa phương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung học phần giới thiệu về lịch sử, đặc điểm và thành tựu của văn học địa phương và tiếng Việt địa phương nhằm giúp cho sinh viên có hiểu biết thực tế về vùng đất và địa phương nơi mình đang sinh sống.

Thông qua một số tác phẩm tiêu biểu, sinh viên được hiểu thêm về mối quan hệ giữa tác phẩm và môi trường sống, mối liên hệ trong văn học giữa các vùng miền khác nhau, mối liên hệ giữa văn học và văn hóa...

9.45. Văn học dân gian các dân tộc ít người

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Văn học dân gian Việt Nam

Cung cấp cho người học những kiến thức về đời sống xã hội và đời sống văn hóa của các dân tộc ít người ở Việt Nam.

Học phần cũng cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống thể loại của văn học dân gian các dân tộc thiểu số, từ đó đi sâu tìm hiểu các đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của các thể loại tiêu biểu.

Học phần giúp sinh viên tiếp cận, tìm hiểu và đi sâu phân tích các tác phẩm văn học dân gian của các dân tộc. Qua đó, sinh viên có sự đối sánh với văn học dân gian người Kinh để nhận thấy sự phong phú, đa dạng và đặc sắc của nền văn học dân gian Việt Nam.

9.46. Nghiên cứu- Phê bình văn học

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần là một nội dung quan trọng trong 4 bộ phận chính yếu ngành ngữ văn học, bao gồm phê bình văn học, lí luận văn học, lịch sử văn học và phương pháp luận nghiên cứu văn học.

Học phần sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tổng quan khoa học văn học và các khuynh hướng phê bình văn học cơ bản. Từ đó, giúp sinh viên có khả năng phân tích và giải mã các tín hiệu thẩm mỹ trong tác phẩm văn học.

9.47. Tiếp nhận văn học và dạy học văn bản văn học

2TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần này nhằm cung cấp hệ thống các giới thuyết, trường phái và trào lưu tiếp nhận văn học ở Việt Nam và trên thế giới, giúp sinh viên phát huy tính tích cực, chủ động trong việc đánh giá, nhìn nhận và định hướng cách tiếp nhận của riêng mình trước sự đa dạng của thực tiễn sáng tạo. Từ đó, sinh viên bước đầu vận dụng kiến thức đã học vào việc thực hành giảng dạy các văn bản văn học trong nhà trường ở các cấp THCS và THPT.

9.48. Thi pháp học

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về thi pháp học như đối tượng nghiên cứu, các phân ngành nghiên cứu, lịch sử hình thành. Đồng thời, học phần đi vào tìm hiểu các bình diện của thi pháp học trong các thể loại tự sự và trữ tình như cái tôi, nhạc điệu, quan niệm nghệ thuật về con người, không gian nghệ thuật, thời gian nghệ thuật, cốt truyện, kết cấu, ngôn ngữ... Qua đó, vận dụng những kiến thức trên để phân tích những tác phẩm văn học tiêu biểu.

9.49. Hệ thống thể loại văn học trung đại

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần xác định khái niệm thể loại, đặc điểm, sự phân chia các thể loại thuộc phân văn học trung đại Việt Nam.

Phân biệt các thể loại văn học chức năng và văn học nghệ thuật trong văn học Việt Nam trung đại.

Rèn kỹ năng tiếp nhận và phân tích tác phẩm văn học trung đại từ phương diện thể loại.

9.50. Tâm lý học đại cương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác Lênin

Nội dung học phần bao gồm: Tâm lý học là một khoa học; Cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; Hoạt động nhận thức; Trí nhớ; Tình cảm và ý chí; Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách.

9.51. Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm: Đối tượng và nhiệm vụ của tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm; Lý luận về sự phát triển tâm lý học sinh; Đặc điểm tâm lý học sinh trung học phổ thông; Các học thuyết của tâm lý học dạy học, Tâm lý học dạy học; Tâm lý học giáo dục học sinh trung học phổ thông; Tâm lý học nhân cách người thầy giáo trung học phổ thông.

9.52. Giáo dục học 1

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm

Nội dung học phần bao gồm: Giáo dục học là một khoa học; Giáo dục và sự hình thành, phát triển nhân cách; Mục đích và nhiệm vụ giáo dục; Khái quát về các con đường giáo dục.

9.53. Giáo dục học 2

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học 1

Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản của Giáo dục học 2: Bản chất, động lực, và logic của quá trình dạy học; Nhiệm vụ dạy học; Các nguyên tắc dạy học, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học ở trường trung học phổ thông; Đặc điểm của quá trình giáo dục trung học phổ thông, Các nguyên tắc giáo dục, Nội dung và phương pháp giáo dục; Công tác chủ nhiệm lớp của người giáo viên trung học phổ thông.

9.54. Quản lý nhà trường

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Các học phần Tâm lý học và Giáo dục học.

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức về quản lý nhà trường: Tổng quan về quản lý và lãnh đạo nhà trường phổ thông; Mô hình lý thuyết về quản lý dựa vào nhà trường phổ thông; Phát triển chương trình nhà trường phổ thông theo tiếp cận năng lực; Phát triển năng lực tự chủ chuyên môn trong quản lý đội ngũ giáo viên phổ thông; Tiếp cận lãnh đạo dạy học trong quản lý nhà trường phổ thông của hiệu trưởng; Đổi mới đánh giá trong lớp học theo quan điểm vì sự tiến bộ của người học; Quản lý chất lượng giáo dục phổ thông; Quản lý nguồn nhân lực trong nhà trường phổ thông; Quản lý tài

chính trường phổ thông theo định hướng tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội; Văn hoá nhà trường phổ thông trong thế kỷ XXI và vai trò của người hiệu trưởng nhà trường phổ thông; Tình huống và cách xử lý một số tình huống quản lý nhà trường phổ thông.

9.55. Rèn luyện NVSP thường xuyên 1

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

1. Thực hành rèn luyện các kỹ năng về tâm lý giáo dục (15 tiết)

- Thực hành nghiên cứu tâm lý học sinh trung học phổ thông.
- Tìm hiểu và thực hành các phong cách và kỹ năng giao tiếp sư phạm của người giáo viên trung học phổ thông.

- Vận dụng các kiến thức tâm lý để giải quyết các tình huống sư phạm xảy ra trong thực tiễn dạy học và giáo dục ở trường trung học phổ thông.

- Chẩn đoán phẩm chất, năng lực của bản thân so với yêu cầu nghề nghiệp; xây dựng kế hoạch và lựa chọn phương pháp học tập, nghiên cứu, rèn luyện phù hợp để hoàn thiện nhân cách nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu chuẩn nghề nghiệp của người giáo viên trung học phổ thông.

2. Học tập những kỹ năng chuyên ngành đào tạo (15 tiết)

- Luyện và chữa lỗi phát âm.

- Tập viết chữ, trình bày bảng.

9.56. Rèn luyện NVSP thường xuyên 2

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1.

Nội dung thực hành Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2 bao gồm:

1. Thực hành rèn luyện các kỹ năng về tâm lý giáo dục: (15 tiết)

- Tìm hiểu về trường trung học phổ thông. Tìm hiểu chương trình, kế hoạch dạy học và giáo dục, sách giáo khoa và tài liệu học tập ở trường trung học phổ thông.

- Lập kế hoạch cho công tác dự giờ ở trường trung học phổ thông. Rèn luyện kỹ năng quan sát và ghi chép trong quá trình dự giờ, học tập kinh nghiệm dạy học của người giáo viên trung học phổ thông.

- Xây dựng và quản lý tập thể học sinh trung học phổ thông. Học tập kinh nghiệm về quản lý và giáo dục học sinh của người giáo viên trung học phổ thông.

- Lập kế hoạch và tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục học sinh của người giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường trung học phổ thông. Rèn luyện kỹ năng nhận xét, đánh giá kết quả giáo dục của học sinh trung học phổ thông.

- Nghiên cứu các giáo trình hướng dẫn về việc thực hiện công tác thực tập sư phạm.

2. Học tập rèn luyện những kỹ năng riêng (15 tiết)

- Tìm hiểu nội dung chương trình môn Ngữ văn THPT 2018.

- Thực hành soạn giáo án.

9.57. Rèn luyện NVSP thường xuyên 3

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên 2

Học phần thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần rèn luyện các kỹ năng sư phạm liên quan đến hoạt động dạy học phân môn Văn học trong chương trình Ngữ văn THPT: soạn giáo án, tổ chức hoạt động dạy học đối với từng kiểu bài (Đọc văn, văn học sử); thực hành và rèn luyện các phương pháp dạy học Văn theo định hướng đổi mới. Ngoài ra, học phần tiếp tục rèn luyện cho người học các kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm, kỹ năng đánh giá và đo lường kết quả dạy học đã được rèn luyện ở các học phần *Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên 1, 2.*

9.58. Rèn luyện NVSP thường xuyên 4

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên 3

Học phần thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần rèn luyện các kỹ năng sư phạm liên quan đến hoạt động dạy học phân môn Tiếng Việt, Làm văn trong chương trình Ngữ văn THPT: soạn giáo án, tổ chức hoạt động dạy học; thực hành và rèn luyện các phương pháp dạy học Tiếng Việt, Làm văn theo định hướng đổi mới. Bên cạnh đó, học phần tiếp tục rèn luyện cho người học các kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm, kỹ năng đánh giá và đo lường kết quả dạy học đã được rèn luyện ở các học phần *Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên 1,2,3*.

9.59. Phương pháp dạy học Văn

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm, trang bị cho người học hệ thống các tri thức lý luận và phương pháp dạy học Ngữ văn ở trường THPT nói chung; phương pháp dạy học phân môn Văn theo định hướng phát triển năng lực người học đối với từng kiểu bài: dạy học đọc hiểu văn bản văn học, dạy học văn học sử, dạy học văn bản thông tin và dạy học lý luận văn học.

9.60. Phương pháp dạy học tiếng Việt, Làm văn

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp dạy học Văn

Cung cấp các kỹ năng giảng dạy về phân môn Tiếng Việt và Tập làm văn. Sinh viên biết vận dụng kiến thức chuyên môn để soạn giáo án, tổ chức lớp học, vận dụng phương pháp giảng dạy mới đối với các bài tiếng Việt và Tập làm văn ở chương trình trung học phổ thông.

9.61. Từ Hán Việt với việc dạy học Ngữ văn trong nhà trường

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần cung cấp cho người học đặc điểm ngữ nghĩa và đặc điểm phong cách của từ Hán Việt; giúp người học vận dụng để phân tích giá trị nghệ thuật của từ Hán Việt trong tác phẩm văn học trong nhà trường và để nâng cao kỹ năng sử dụng tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp.

9.62. Dạy học tác phẩm văn học nước ngoài trong nhà trường THPT

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về vai trò, vị trí và phương pháp tiếp cận, nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài ở nhà trường THPT. Tham gia học học phần, sinh viên sẽ được tìm hiểu sâu hơn về các tác giả, tác phẩm văn học nước ngoài được chọn giảng trong chương trình Ngữ văn THPT, đồng thời thực hành soạn giảng các tác giả, tác phẩm đó để rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm của bản thân.

9.63. Dạy học tác phẩm văn học dân gian trong nhà trường THPT

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những phương pháp cơ bản trong việc tiếp cận, nghiên cứu và giảng dạy các thể loại văn học dân gian tiêu biểu của người Việt như thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, tục ngữ, truyện cười, ca dao – dân ca, sử thi, truyện thơ. Từ đó sinh viên có thể vận dụng để thực hành giảng dạy các tác phẩm dân gian trong nhà trường ở các cấp THCS hoặc THPT.

9.64. Dạy học tác phẩm văn học chữ Hán trong nhà trường THPT

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về đặc điểm thơ văn chữ Hán (Đường luật, cáo, phú, chiếu, hịch ...) và phân tích thể loại, kết cấu, giải nghĩa từ ngữ trong một số văn bản văn học chữ Hán Việt Nam và nước ngoài có trong chương trình THCS, THPT, nhằm giúp người học nâng cao kỹ năng giảng dạy các tác phẩm văn học chữ Hán trong nhà trường.

9.65. Dạy học tác phẩm văn học trong nhà trường THPT theo đặc trưng thi pháp thể loại **2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dạy học tác phẩm văn học trong nhà trường THPT theo đặc trưng thi pháp thể loại. Cụ thể gồm: dạy học văn bản truyện, dạy học văn bản thơ, dạy học văn bản kịch và dạy học văn bản kí. Đồng thời, rèn luyện cho sinh viên các kĩ năng, phương pháp dạy học tác phẩm văn học trong nhà trường THPT theo đặc trưng thi pháp thể loại.

9.66. Tiên trình văn học Việt Nam **3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học:

- Những kiến thức hệ thống và căn bản về diễn trình phát triển của văn học Việt Nam;
- Đánh giá các trào lưu văn học, các khuynh hướng vận động của văn học, những tác động và ảnh hưởng từ bên ngoài đến sự phát triển của văn học;
- Giải thích các khái niệm và biểu hiện cụ thể về sự phát triển từ tác phẩm văn học.

9.67. Thực tập sư phạm

Điều kiện tiên quyết: Các học phần phương pháp, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 4.

Sinh viên được phân bổ về các trường phổ thông để dự giờ, tập giảng và làm công tác chủ nhiệm lớp tại các trường phổ thông, làm quen với môi trường sư phạm, vận dụng kiến thức đã học để tìm hiểu tình hình trường thực tập, củng cố và lĩnh hội sâu sắc những kiến thức này, bước đầu thực hiện một số hoạt động của người giáo viên.

Sinh viên được tìm hiểu thực tế về tình hình dạy và học ở trường thực tập, thực tập giảng dạy và thực tập công tác chủ nhiệm lớp.

9.68. Tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cần thiết về từ và câu tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp trên bình diện ngữ âm, ngữ nghĩa, ngữ pháp, phong cách; và hiểu biết về chiếu vật, chỉ xuất, hành động ngôn từ, lập luận ngôn ngữ, nghĩa tường minh, hàm ẩn để người học vận dụng có hiệu quả trong giao tiếp và giảng dạy.

9.69. Ngôn ngữ văn chương

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ văn chương như: đặc trưng của ngôn ngữ văn chương (ngôn ngữ thơ và ngôn ngữ văn xuôi), mối tương quan giữa ngôn ngữ và văn chương. Đồng thời, rèn luyện cho sinh viên những kĩ năng thực hành phân tích tác phẩm văn chương, khả năng phân tích giá trị nghệ thuật của những cấu trúc ngôn từ trong các sáng tác văn chương.

9.70. Thơ Nôm trung đại **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thơ Nôm trong văn học trung đại Việt Nam như lịch sử hình thành thơ Nôm, đặc điểm thơ Nôm. Đồng thời, học phần cũng khái quát về quá trình phát triển và những thành tựu tiêu biểu của thơ Nôm để người học nhận diện được những giá trị, đóng góp của thơ Nôm trong lịch sử phát triển của văn học dân tộc. Từ đó, người học có thể vận dụng để phân tích, thẩm định các tác phẩm thơ Nôm của những tác gia tiêu biểu như Nguyễn Trãi, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến...

9.71. Thi pháp thơ Đường

2TC

Điều kiện tiên quyết: Văn học Trung Quốc

Học phần cung cấp cho người học những tri thức cơ bản về thi pháp thơ Đường, bao gồm: quan niệm nghệ thuật về con người, không gian nghệ thuật, thời gian nghệ thuật, thể loại, kết cấu và ngôn ngữ của thơ Đường. Từ đó, học phần giúp người học lí giải các hiện tượng thơ Đường và phân tích các tác phẩm thơ Đường một cách khách quan, chính xác.

10. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

10.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
1	Ngô Thị Kim Phượng, 1968, Phó Phòng Đào tạo	GVC, 2006	ThS, Việt Nam, 2005	Triết học	Triết học Mác - Lênin
2	Đào Văn Phượng, 1978, Giảng viên	GV	TS, Việt Nam 2018	Kinh tế chính trị	Kinh tế chính trị Mác – Lênin
3	Trần Lăng, 1968, Phó Hiệu trưởng	GVC, 2006	TS, Việt Nam, 2014	Triết học	Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam
4	Nguyễn Thị Trang, 1974, Trưởng Bộ môn Nguyên lý cơ bản CN Mac-Lênin	GV	Ths, Việt Nam, 2009	Sử - Chính trị	Chủ nghĩa xã hội khoa học
5	Trần Văn Tàu, 1975, Phó Trưởng khoa Lý luận chính trị	GVC, 2011	TS, Việt Nam, 2017	Lịch sử Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	Võ Thị Minh Duyên, 1972, Trưởng phòng Tổ chức – Cán bộ	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2005	Lịch sử Việt Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
7	Hồng Ái Nga, 1970, Trưởng BM Tiếng Anh không chuyên ngữ	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2006	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 1
8	Hồ Thị Việt Luận, 1970, Trưởng Bộ môn Tiếng Anh chuyên ngữ	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2005	LL & PPDH Tiếng Anh	Tiếng Anh 2
9	Lê Thị Băng Tâm, 1973, Giảng viên	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2006	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 3
10	Nguyễn Thị Phượng, 1975, Trưởng phòng Hành chính – Quản trị	GVC, 2017	Ths, Việt Nam, 2010	Luật học	Pháp luật đại cương
12	Nguyễn Định, 1961, Phó Hiệu trưởng phụ trách	GV	TS, Việt Nam, 2008	Văn hóa học	Cơ sở văn hóa VN
13	Nguyễn Văn Thường, 1971, Trưởng khoa KHXH & NV	PGS, 2018	TS, Việt Nam	Lịch sử	Lịch sử Việt Nam đại cương
14	Trần Minh Cảnh, 1967, TBM Khoa Khoa học máy tính	GV	Ths, Việt Nam, 2001	Khoa học máy tính	Tin học đại cương
15	Phạm Minh Quang, 1989, Giảng	GV	Ths, Việt Nam,	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 1

	viên		2013		
16	Lê Đức Hiếu, 1979, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2012	Giáo dục thể chất	- Giáo dục thể chất 2 - Giáo dục thể chất 3, 4 (Bóng bàn)
17	Trần Đắc Ân, 1966, Phó Trưởng khoa GDTC và GD quốc phòng	GV	CN, Việt Nam, 2003	Thể dục	- Giáo dục thể chất 3, 4 (Bóng đá)
18	Nguyễn Minh Cường, 1984, Phó Trưởng Khoa GD thể chất và GD quốc phòng	GV	TS, Việt Nam, 2020	Giáo dục học (Giáo dục thể chất)	Giáo dục thể chất 3, 4 (Võ cổ truyền)
19	Nguyễn Quốc Trâm, 1983 Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2014	Khoa học giáo dục	Giáo dục thể chất 3, 4 (Bóng chuyền)
20	Phan Thị Lan, 1970, Trưởng BM Tâm lý học	GV	Ths, Việt Nam, 2003	Tâm lý học	- Tâm lý học lứa tuổi & Tâm lý học sư phạm - Tâm lý học đại cương
21	Võ Thị Ngọc Hoa, 1976, Phó Trưởng khoa Khoa KHXH & NV	GVC, 2018	Ths, Việt Nam, 2005	Ngôn ngữ học so sánh – đối chiếu	- Từ Hán Việt với việc dạy học Ngữ văn trong nhà trường. - Dạy học TPVH chữ Hán trong nhà trường THPT.
22	Nguyễn Thị Liên, 1973, Phó Trưởng khoa GDTH & MN	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2004	Lí luận ngôn ngữ	- Ngữ dụng học - Phong cách học tiếng Việt.
23	Nguyễn Thị Ái Thoa, 1981, Giảng viên	GV	TS, Việt Nam, 2020	Văn học Việt Nam	- Văn học Việt Nam từ 1975 đến nay - Văn học dân gian Việt Nam
24	Nguyễn Thị Lê Nin, 1986, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2013	Văn học Việt Nam	- Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XVII. - Văn học Việt Nam từ thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX.
25	Huỳnh Thị Diệu Duyên, 1989, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2013	Văn học Việt Nam	- Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945 - Phương pháp dạy học Văn.
26	Phan Ánh Nguyễn, 1988, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2012	Văn học Việt Nam	- Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975 - Tác phẩm văn học và thể loại văn học
27	Võ Nguyễn Bích Duyên, 1986, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2010	Văn học nước ngoài	- Văn học phương Tây từ cổ đại đến Phục hưng - Văn học phương Tây từ thế kỉ XVII đến cuối thế kỉ XX
28	Nguyễn Văn Tổng, 1977, Giảng	GV	TS, Việt Nam,	Văn học Việt Nam	- Phương pháp dạy học Tiếng Việt, Làm văn.

	viên		2019		- Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 3,4
29	Nguyễn Thị Hiền, 1991, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2016	Ngôn ngữ học	- Lịch sử tiếng Việt và ngữ âm tiếng Việt - Ngôn ngữ văn chương
30	Nguyễn Thị Thu Trang, 1964, Giảng viên	PGS, 2018	TS, Việt Nam, 2008	Văn học	- Tiên trình văn học Việt Nam - Nghiên cứu, phê bình văn học
31	Trần Hoàng Nhã Trúc, 1987, Viên chức Phòng QLKH & HTQT	GV	Ths, Việt Nam, 2017	Văn học Việt Nam	- Văn học Nhật Bản, Ấn Độ và Đông Nam Á. - Làm văn
32	Châu Thị Hồng Nhự, 1986, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2013	Giáo dục học	- Giáo dục học 1 - Rèn luyện NVSP thường xuyên 2
33	Phan Thị Ánh Tuyết, 1968, Phó Trưởng khoa Sư phạm	GV	Ths, Việt Nam, 2005	Văn học Việt Nam	- Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm - Giáo dục học 2
34	Lê Bạt Sơn, Phó Trưởng khoa Sư phạm	GV	Ths, Việt Nam	Quản lí giáo dục	- Quản lý nhà trường - Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục
35	Trường Sĩ quan Thông tin				Giáo dục Quốc phòng – An ninh

10.2. Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
1	Nguyễn Văn Đẩu		TS, Việt Nam, 2001	Văn học	- Nguyên lí lí luận văn học - Tiếp nhận văn học và dạy học văn bản văn học.
2	Trần Trung Hỷ, 1962, PTB. Sau Đại học, ĐH Huế		TS, Trung Quốc, 2002	Văn học nước ngoài	- Thi pháp thơ Đường - Văn học Trung Quốc
3	Ngô Ngọc Thư, 1960, Phó GD Sở GD & ĐT Phú Yên		Ths, Việt Nam, 2005	Phương pháp dạy học Ngữ văn	- Dạy học tác phẩm văn học trong nhà trường THPT theo đặc trưng thi pháp thể loại. - Dạy học tác phẩm văn học dân gian trong nhà trường THPT.
4	Bùi Thị Kim Hạnh		TS, Việt Nam, 2002	Văn học nước ngoài	- Văn học Nga - Dạy học tác phẩm văn học nước ngoài trong nhà trường THPT.
5	Lê Quang Trường, 1976, Trường Đại học KHXH &		TS, Việt Nam, 2013	Hán Nôm	- Hán Nôm 1 - Hán Nôm 2

	Nhân văn, TP.Hồ Chí Minh				
6	Lê Xuân Hoàng, 1957	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 1997	Ngôn ngữ học	- Dẫn luận ngôn ngữ học - Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt
7	Nguyễn Thị Vân Anh, Trường BM Sư phạm Khoa học Xã hội, trường ĐH Quy Nhơn		PGS.TS, Việt Nam, 2018	Ngôn ngữ học	- Ngữ pháp tiếng Việt - Tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp
8	Nguyễn Văn Hùng, trường ĐH Khoa học, Đại học Huế	GV	TS, Việt Nam, 2014	Lí luận văn học	- Văn học và sân khấu, điện ảnh - Thi pháp học
9	Lê Tấn Thích, Sở GD & ĐT Phú Yên		ThS, Việt Nam	Văn học Việt Nam	- Ngữ văn địa phương - Văn học dân gian các dân tộc ít người
10	Hà Ngọc Hòa, trường ĐH Khoa học Huế	GV	TS, Việt Nam	Văn học Việt Nam	- Hệ thống thể loại văn học trung đại

11. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập

11.1. Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng

Cơ sở vật chất hiện nay của Trường Đại học Phú Yên đủ điều kiện để phục vụ mục đích đào tạo cho sinh viên ngành Sư phạm Ngữ văn. Riêng phần thực hành, thực tập, nhà trường liên kết với các trường phổ thông trung học ngay tại các địa phương trong tỉnh để sinh viên rèn luyện.

Trường Đại học Phú Yên hiện có:

- Website để phục vụ đào tạo và đối ngoại.
- Mạng máy tính nội bộ có kết nối Internet.
- Tất cả các Phòng, Ban và Khoa đều có máy tính kết nối Internet.

11.2. Thư viện

Hiện tại nhà trường có một thư viện với diện tích khoảng 1.200m², phòng đọc có sức chứa 100 chỗ ngồi, có hơn 13.500 đầu sách (giáo trình và tham khảo), có khoảng 50 tạp chí chuyên ngành và báo ... đáp ứng đủ nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giảng viên và sinh viên.

Thư viện có phòng máy tính trang bị hiện đại để truy cập Internet và tra cứu giáo trình, sách tham khảo.

11.3. Danh mục giáo trình chính của ngành đào tạo

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho học phần
1	Giáo trình Chủ nghĩa XH khoa học	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Chủ nghĩa xã hội khoa học
2	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2019		Tư tưởng Hồ Chí Minh

			Sự thật, Hà Nội		
3	Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Giáo dục	2019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
4	New headway English Course Pre-intermediate	John Liz Soars	Oxford University Press	2000	Tiếng Anh 1,2,3
5	Giáo trình Kinh tế - chính trị Mác Lênin	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019	Kinh tế - chính trị Mác Lênin
6	Giáo trình Triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019	Triết học Mác -Lênin
7	Giáo trình Pháp luật Đại cương	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học sư phạm Hà Nội	2015	Pháp luật đại cương
8	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	Giáo dục	2001	Cơ sở văn hoá Việt Nam
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Phạm Việt Vượng	Đại học Quốc gia Hà Nội	2002	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục
10	Lịch sử Việt Nam từ 1919 đến 1945	Nguyễn Đình Lễ (chủ biên)	Đại học Sư phạm	2005	Lịch sử Việt Nam đại cương
11	Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam	Nguyễn Minh Tường	Khoa học xã hội	2012	Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam
12	Giáo trình Tin học cơ sở	Hồ Sĩ Đàm – Đào Kiến Quốc - Hồ Đắc Phương	Đại học Sư phạm	2004	Tin học đại cương
13	Giáo trình Lý luận văn học (tập 1&2)	Trần Đình Sử (chủ biên)	Đại học Sư phạm	2007	Nguyên lý lý luận văn học
14	Giáo trình Ngôn ngữ học đại cương	Hoàng Dũng – Bùi Mạnh Hùng	Giáo dục	2006	Dẫn luận ngôn ngữ học
15	Ngữ văn Hán Nôm	Đặng Đức Siêu	Đại học Sư phạm	2009	Hán Nôm 1, 2
16	Lý luận văn học	Hà Minh Đức (chủ biên)	Giáo dục	1998	Tác phẩm văn học và thể loại văn học
17	Phương pháp luận nghiên cứu văn học	Nguyễn Văn Dân	Khoa học Xã hội	2004	Nghiên cứu, phê bình văn học
18	Văn học dân gian Việt Nam	Nhiều tác giả	Giáo dục	2007	Văn học dân gian Việt Nam
19	Giáo trình Văn học Việt Nam trung đại (tập 1)	Nguyễn Đăng Na (chủ biên)	Đại học Sư phạm	2007	Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII
20	Giáo trình Văn học Việt Nam trung đại (tập 2)	Nguyễn Đăng Na (chủ biên)	Đại học Sư phạm	2007	Văn học Việt Nam từ nửa đầu thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX

21	Văn học Việt Nam (1900 - 1945)	Nhiều tác giả	Giáo dục	1998	Văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945
22	Văn học Việt Nam hiện đại (tập 2)	Nguyễn Văn Long (chủ biên)	Đại học Sư phạm	2007	Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975
23	Văn học Việt Nam sau 1975 – Những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy	Nhiều tác giả	Giáo dục	2006	Văn học Việt Nam từ 1975 đến nay
24	Văn học phương Tây	Nhiều tác giả	Giáo dục	1998	Văn học phương Tây từ Cổ đại đến Phục hưng
25	Văn học phương Tây	Nhiều tác giả	Giáo dục	1998	Văn học phương Tây từ thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XX
26	Văn học Trung Quốc	Trần Xuân Đề	Giáo dục	2001	Văn học Trung Quốc
27	Thơ ca Nhật Bản	Phan Nhật Chiêu	Giáo dục	1997	Văn học Nhật Bản, Ấn Độ, Đông Nam Á
28	Văn học Ấn Độ	Lưu Đức Trung	Giáo dục	1998	Văn học Nhật Bản, Ấn Độ, Đông Nam Á
29	Văn học Đông - Nam Á	Lưu Đức Trung (chủ biên)	Giáo dục	1999	Văn học Nhật Bản, Ấn Độ, Đông Nam Á
30	Lịch sử văn học Nga	Đỗ Hồng Chung - Huy Liên	Giáo dục	1997	Văn học Nga
31	Tiếng Việt, Đại cương – Ngữ âm	Bùi Minh Toán – Đặng Thị Lanh	Đại học Sư phạm	2003	Lịch sử tiếng Việt và Ngữ âm tiếng Việt
32	Từ vựng - Ngữ nghĩa Tiếng Việt	Đỗ Hữu Châu	Đại học Sư phạm	2007	Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt
33	Giáo trình Ngữ pháp tiếng Việt	Nhiều tác giả	Đại học Sư phạm	2007	Ngữ pháp tiếng Việt
34	Ngữ dụng học	Đỗ Hữu Châu - Đỗ Việt Hùng	Đại học Sư phạm	2007	Ngữ dụng học
35	Phong cách học Tiếng Việt	Đinh Trọng Lạc	Đại học Sư phạm	2000	Phong cách học Tiếng Việt
36	Làm văn	Đỗ Ngọc Thống (chủ biên)	Đại học Sư phạm	2007	Làm văn
37	Thi pháp văn học trung đại Việt Nam	Trần Đình Sử	Đại học Quốc gia Hà Nội	2005	Thơ Nôm trung đại
38	Tài liệu giảng dạy và hướng dẫn giảng dạy ngữ văn địa phương	Nhiều tác giả	Sở GD & ĐT Phú Yên	2000	Ngữ văn địa phương
39	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên)	Đại học Sư phạm	2004	Tâm lý học đại cương

40	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	Lê Văn Hồng, Lê Ngọc Lan, Nguyễn Văn Thành	Thế giới	2008		Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm
41	Giáo dục học đại cương	Hà Thị Đức	Giáo dục	2006		Giáo dục học 1
42	Giáo dục học đại cương 2	Nguyễn Sinh Huy, Nguyễn Văn Lê	Giáo dục	2006		Giáo dục học 2
43	Phương pháp dạy học văn	Phan Trọng Luận (chủ biên)	Đại học Quốc gia Hà Nội	1996		Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1, 2, 3, 4
44	Phương pháp dạy học văn (tập 1,2)	Phan Trọng Luận (chủ biên)	Đại học Quốc gia Hà Nội	1996		Phương pháp dạy học môn Văn
45	Văn học trung đại Việt Nam (tập 1 & 2)	Nguyễn Đăng Na (chủ biên)	Đại học Sư phạm	2005		Tiến trình văn học Việt Nam
46	Văn học Việt Nam hiện đại (tập 1 & 2)	Nguyễn Văn Long (chủ biên)	Đại học Sư phạm	2007		Tiến trình văn học Việt Nam
47	Giáo trình dẫn luận thi pháp học	Trần Đình Sử	Huế	2007		Thi pháp học
48	Góp phần xác lập hệ thống quan niệm văn học trung đại Việt Nam	Phương Lưu	Hà Nội	2002		Hệ thống các thể loại văn học trung đại
49	Thi pháp thơ Đường	Nguyễn Thị Bích Hải	Thuận Hóa	2006		Thi pháp thơ Đường
50	Tài liệu hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm sáng tạo cho học sinh. Tài liệu hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm sáng tạo cho học sinh..	Nguyễn Thị Chi (Chủ biên) Trương Xuân Cảnh (Chủ biên)	Giáo dục	2017	50	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm
51	Giáo trình Thể dục	Trương Anh Tuấn	ĐHSP	2004		Thể dục
52	Giáo trình Điền kinh	Nguyễn Kim Minh	ĐHSP Hà Nội	2004		Điền kinh
53	Sách Giáo trình Cầu lông	Nguyễn Trọng Hải, Đào Chí Thành	ĐHSP	2004		Cầu lông 1,2
54	Giáo trình Bóng chuyền	Nguyễn Việt Minh	ĐHSP	2003		Bóng chuyền 1,2
55	Giáo trình Ngữ văn Hán Nôm – tập 2	Đặng Đức Siêu	ĐH SP	2007		Dạy học tác phẩm văn học chữ Hán trong nhà trường THPT
56	Phương pháp dạy học tác phẩm văn chương theo loại thể	Nguyễn Việt Chữ	ĐHSP	2009		Dạy học tác phẩm văn học trong nhà trường THPT theo đặc trưng thi pháp thể loại
57	Ngôn ngữ văn chương	Hoàng Kim Ngọc (chủ	ĐHQG Hà Nội	2011		Ngôn ngữ văn chương

		biên) – Hoàng Trọng Phiến				
58	Tiếp nhận văn học	Phương Lựu	ĐH Huế	2012		Tiếp nhận văn học và dạy học văn bản văn học
59	Tác phẩm văn học nhìn từ lí thuyết tiếp nhận	Trương Đăng Dung	Khoa học xã hội	2013		Tiếp nhận văn học và dạy học văn bản văn học
60	Từ trong hoạt động giao tiếp tiếng Việt	Bùi Minh Toán	Giáo dục	1999		Tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp
61	Câu trong hoạt động giao tiếp tiếng Việt	Bùi Minh Toán	Giáo dục	2012		Tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp
62	Dạy và học từ Hán Việt ở trường phổ thông	Đặng Đức Siêu	Giáo dục	2001		Từ Hán Việt với việc dạy Ngữ văn trong nhà trường THPT
63	Mấy vấn đề phương pháp giảng dạy – nghiên cứu văn học dân gian	Hoàng Tiến Tựu	Giáo dục	1997		Dạy học TPVH dân gian trong nhà trường THPT
64	Dạy học văn học nước ngoài (Ngữ văn 10)	Lê Huy Bắc	Giáo dục	2006		Dạy học TPVH nước ngoài trong nhà trường THPT
65	Dạy học văn học nước ngoài (Ngữ văn 11)	Lê Huy Bắc	Giáo dục	2011		Dạy học TPVH nước ngoài trong nhà trường THPT
66	Dạy học văn học nước ngoài (Ngữ văn 12)	Lê Huy Bắc	Giáo dục	2008		Dạy học TPVH nước ngoài trong nhà trường THPT
67	Phương pháp dạy học Tiếng Việt	Lê A – Nguyễn Quang Ninh, Bùi Minh Toán	Giáo dục	1999		Phương pháp dạy học Tiếng Việt, Làm văn

11.4. Danh mục giáo trình, sách, tài liệu tham khảo của ngành đào tạo

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho học phần
1	Giáo trình triết học Mác - Lênin	Bộ GD & ĐT	Chính trị Quốc gia	2005		Triết học Mác – Lênin
2	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ GD & ĐT	Chính trị Quốc gia	2008		Chủ nghĩa xã hội khoa học
3	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ GD & ĐT	Chính trị Quốc gia	2008		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
4	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bộ GD & ĐT	Chính trị Quốc gia	2011		Kinh tế chính trị Mác - Lênin
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và vận dụng vào đào tạo đại học hiện nay	Hoàng Anh (chủ biên)	Chính trị quốc gia	2013		Tư tưởng Hồ Chí Minh

6	Đĩa CD ROM, <i>Hồ Chí Minh toàn tập</i>	Ban Tuyên giáo TW	Chính trị quốc gia	1996		Tư tưởng Hồ Chí Minh
7	Hỏi và đáp lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Nguyễn Thị Thanh, Phạm Đức Kiên	Chính trị - Hành chính	2013		Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam
8	New Headway English Course - Pre-intermediate (Student's book & Workbook)	Liz and John Soars	Oxford University Press	2000		Tiếng Anh 1, 2, 3
9	A practical English Grammar	A.J Thomson & A.V Martinet	Oxford University Press	2001		Tiếng Anh 1, 2, 3
10	Objective Pet- Pre-intermediate (Student's book & Workbook)	Luise Hashemi; Barbara Thomas	Cambridge University Press	2005		Tiếng Anh 1, 2, 3
11	Grammar for PET	Louise Hashemi and Barbara Thomas	Đồng Nai	2009		Tiếng Anh 1, 2, 3
12	Pháp luật đại cương	Đoàn Công Thức – Nguyễn Thị Bé Hai	Đại học Quốc gia TP. HCM	2011		Pháp luật đại cương
13	Pháp luật đại cương	Nguyễn Hợp Toàn	Kinh tế quốc dân	2014		Pháp luật đại cương
14	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Đặng Đức Siêu	Giáo dục	2008		Cơ sở văn hóa Việt Nam
15	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Lê Văn Chương	Trẻ	1999		Cơ sở văn hóa Việt Nam
16	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Ngô Đình Qua	Đại học Sư phạm TP. HCM	2005		Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục
17	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục và tâm lý	Dương Thiệu Tống	Khoa học Xã hội	2005		Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục
18	Đại cương lịch sử Việt Nam tập I	Trương Hữu Quỳnh (chủ biên)	Khoa học Xã hội	1999		Lịch sử Việt Nam đại cương
19	Đại cương lịch sử Việt Nam, Tập 3	Lê Mậu Hãn (Chủ biên)	Giáo dục	2002		Lịch sử Việt Nam đại cương
20	Đại cương Lịch sử Việt Nam, tập 2	Đình Xuân Lâm	Giáo dục	2002		Lịch sử Việt Nam đại cương
21	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	Nguyễn Đăng Thục	TP.HCM	1996		Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam
22	Đại cương văn hoá phương Đông	Lương Duy Thứ (chủ biên)	Giáo dục	1996		Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam
23	Giáo trình Tin học đại cương	Trần Đình Khang	Bách khoa – Hà Nội	2013		Tin học đại cương
24	Giáo trình Tin học đại cương	Bùi Thế Tâm	Giao thông vận tải	2007		Tin học đại cương
25	Lý luận và Văn học	Lê Ngọc Trà	Giáo dục	1991		-Nguyên lý lý luận văn học -Tác phẩm văn học và thể loại văn học

26	Lý luận văn học	Lê Tiên Dũng	Đại học Quốc gia TP. HCM	2004	-Nguyên lý lý luận văn học -Tác phẩm văn học và thể loại văn học
27	Giáo trình Dẫn luận ngôn ngữ	Bùi Mạnh Hùng	Đại học Sư phạm	2007	Dẫn luận ngôn ngữ học
28	Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt	Mai Ngọc Chừ - Vũ Đức Nghiệu – Hoàng Trọng Phiến	Giáo dục	1997	Dẫn luận ngôn ngữ học
29	Ngữ nghĩa học dẫn luận	J.Lyons (Bản dịch của Nguyễn Văn Hiệp)	Giáo dục	2006	Dẫn luận ngôn ngữ học
30	Cơ sở ngữ văn Hán Nôm	Phan Văn Các	Giáo dục	1995	Hán Nôm 1, 2
31	Toàn thư tự học chữ Hán	Trần Văn Chánh – Lê Anh Minh	Trẻ	2002	Hán Nôm 1, 2
32	Tự học Hán văn	Nguyễn Khuê	TP. Hồ Chí Minh	1998	Hán Nôm 1, 2
33	Giáo trình tự học tiếng Hán	Nguyễn Tri Tài	Đại học KHXH&NV	1991	Hán Nôm 1, 2
34	Từ điển Hán Việt	Đào Duy Anh	Văn hóa Thông tin	1999	Hán Nôm 1, 2
35	Từ điển Hán Việt	Thiều Chừ	Văn hóa Thông tin	1999	Hán Nôm 1, 2
36	Từ chữ Hán đến chữ Nôm	Lê Nguyễn Lưu	Thuận Hoá	2002	Hán Nôm 2
37	Nghiên cứu về chữ Nôm	Lê Văn Quán	Khoa học Xã hội	1981	Hán Nôm 2
38	Một số vấn đề về chữ Nôm	Nguyễn Tài Căn	ĐH và TH chuyên nghiệp	1985	Hán Nôm 2
39	Giáo trình Ngữ văn Hán Nôm (tập 2)	Đặng Đức Siêu	Đại học Sư phạm	2007	Hán Nôm 2
40	Lý luận phê bình văn học	Phương Lựu	Đà Nẵng	2004	Tác phẩm văn học và thể loại văn học
41	Phương pháp luận nghiên cứu văn học	Nguyễn Văn Dân	Khoa học Xã hội	2004	Nghiên cứu, phê bình văn học
42	Những vấn đề lí luận và phương pháp luận nghiên cứu văn học	M.B.Khrapchenko	Đại học quốc gia	2002	Nghiên cứu phê bình văn học
43	Phương pháp luận nghiên cứu văn học	Phương Lựu	Đại học Sư phạm	2005	Nghiên cứu phê bình văn học
44	Văn học dân gian Việt Nam – Những công trình nghiên cứu	Bùi Mạnh Nhị (chủ biên)	Giáo dục	2003	Văn học dân gian Việt Nam
45	Những đặc điểm thi pháp của các thể loại văn học dân gian	Đỗ Bình Trị	Giáo dục	2002	Văn học dân gian Việt Nam
46	Thi pháp học dân gian	Lê Trường Phát	Giáo dục	2002	Văn học dân gian Việt Nam
47	Văn học Việt Nam (Thế kỉ X – Nửa đầu thế kỉ XVIII)	Đình Gia Khánh (chủ biên)	Giáo dục	2003	Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII
48	Giáo trình Văn học Việt Nam trung	Lã Nhâm Thìn – Đình	Giáo dục	2015	- Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết

	đại	Thị Khang – Vũ Thanh				thế kỷ XVII - Văn học Việt Nam từ nửa đầu thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX
49	Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa	Trần Nho Thìn	Giáo dục	2003		- Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII - Văn học Việt Nam từ nửa đầu thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX
50	Văn học Việt Nam (nửa cuối thế kỉ XVIII – hết thế kỉ XIX)	Nguyễn Lộc	Giáo dục	2007		Văn học Việt Nam từ nửa đầu thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX
51	Quá trình hiện đại hóa của văn học Việt Nam 1900-1945	Mã Giang Lân (chủ biên)	Văn hóa Thông tin	2000		Văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945
52	Giảng văn Văn học Việt Nam (1930 - 1945)	Nhiều tác giả	Giáo dục	1995		Văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945
53	Văn học Việt Nam 1945 - 1954	Mã Giang Lân	Giáo dục	2004		Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975
54	Văn học Việt Nam 1975-1985 -Tác phẩm và dư luận	Nguyễn Hữu Sơn	Hội nhà văn	1997		Văn học Việt Nam từ 1975 đến nay
55	Văn học Việt Nam trong thời đại mới	Nguyễn Văn Long	Giáo dục	2002		-Văn học Việt Nam từ 1975 đến nay
56	Mấy vấn đề lý luận văn nghệ trong sự nghiệp đổi mới	Hà Minh Đức	Sự thật	1991		-Văn học Việt Nam từ 1975 đến nay
57	Lịch sử Văn học phương Tây	Nhiều tác giả	Giáo dục	1979		-Văn học phương Tây từ Cổ đại đến Phục hưng -Văn học phương Tây từ thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XX
58	Lịch sử văn học Pháp	Xavier d'Arcos, (Phan Quang Định dịch)	Văn hóa thông tin	1997		Văn học phương Tây từ thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XX
59	Lịch sử văn học Trung Quốc	Nguyễn Khắc Phi	Đại học Sư phạm	2002		Văn học Trung Quốc
60	Một số vấn đề văn học Trung Quốc thời kỳ mới	Hồ Sĩ Hiệp	Đại học Quốc gia TP. HCM	2005		Văn học Trung Quốc
61	Thơ văn cổ Trung Hoa, mảnh đất quen mà lạ	Nguyễn Khắc Phi	Giáo dục	1998		Văn học Trung Quốc
62	Mahabharata	Cao Huy Đình, Phạm Thủy Ba dịch	Giáo dục	1979		Văn học Nhật Bản, Ấn Độ và Đông Nam Á
63	Ramayana (3 tập)	Phạm Thủy Ba dịch	Văn học	1988		Văn học Nhật Bản, Ấn Độ và Đông

					Nam Á
64	R.Tagore – Tuyển tập (2 tập)	Lưu Đức Trung	Lao động	2004	Văn học Nhật Bản, Ấn Độ và Đông Nam Á
65	Văn học Ấn Độ - Lào - Campuchia	Lưu Đức Trung	Đại học Sư phạm	1989	Văn học Nhật Bản, Ấn Độ và Đông Nam Á
66	Thi pháp tiểu thuyết Tônxtôi	Nguyễn Hải Hà	Giáo dục	1992	Văn học Nga
67	Giáo trình Lịch sử tiếng Việt	Trần Trí Dõi	Đại học Quốc gia Hà Nội	2007	Lịch sử tiếng Việt và Ngữ âm tiếng Việt
68	Tiếng Việt	Lê A (Chủ biên)	Giáo dục & Đại học Sư phạm	2007	Lịch sử tiếng Việt và Ngữ âm tiếng Việt
69	Giáo trình tiếng Việt tập 1	Đặng Thị Lanh – Nguyễn Hữu Tinh	Giáo dục	1998	Lịch sử tiếng Việt và Ngữ âm tiếng Việt
70	Tiếng Việt Đại cương – Ngữ âm	Mai Thị Kiều Phương	Khoa học Xã hội	2008	Lịch sử tiếng Việt và Ngữ âm tiếng Việt
71	Từ và từ vựng học tiếng Việt	Nguyễn Thiện Giáp	Đại học Quốc gia Hà Nội	2015	Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt
72	Từ vựng học tiếng Việt	Nguyễn Thiện Giáp	Giáo dục	2010	Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt
73	Ngữ pháp Việt Nam	Diệp Quang Ban	Giáo dục	2009	Ngữ pháp tiếng Việt
74	Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp	Nguyễn Văn Hiệp	Giáo dục	2007	Ngữ pháp tiếng Việt
75	Ngữ pháp Việt Nam	Diệp Quang Ban	Đại học Sư phạm	2004	Ngữ pháp tiếng Việt
76	Đại cương ngôn ngữ học (tập 2)	Đỗ Hữu Châu	Giáo dục	1993	Ngữ dụng học
77	Phong cách học tiếng Việt hiện đại	Nguyễn Hữu Đạt	Giáo dục	2011	Phong cách học tiếng Việt
78	Giáo trình phong cách học tiếng Việt hiện đại	Nguyễn Thái Hòa	Đại học Sư phạm Hà Nội	2006	Phong cách học tiếng Việt
79	Làm văn (tập 1 & 2)	Đình Cao, Lê A	Giáo dục	1992	Làm văn
80	Giáo trình làm văn (tập 1 & 2)	Chim Văn Bé	Đại học Cần Thơ	1992	Làm văn
81	Từ điển văn học Việt Nam (Tập I: Từ nguồn gốc đến hết thế kỷ XIX)	Lại Nguyên Ân, Bùi Văn Trọng Cường	Giáo dục	1995	-Các thể thơ Việt Nam – Đặc điểm và thành tựu -Văn học dân gian các dân tộc ít người -Tiến trình văn học Việt Nam
82	Phong trào thơ mới	Phan Cự Đệ	Khoa học Xã hội	2004	Văn học Việt Nam từ đầu TK XX - 1945
83	Ba đỉnh cao thơ mới	Chu Văn Sơn	Giáo dục	2007	Văn học Việt Nam từ đầu TK XX - 1945

84	Thơ – Điệu hồn và cấu trúc	Chu Văn Sơn	Giáo dục	2007	Văn học Việt Nam từ đầu TK XX - 1945
85	Các nhà thơ cổ điển Việt Nam	Xuân Diệu	Văn học	1986	Thơ Nôm trung đại
86	Thơ Việt Nam- Thơ Nôm Đường luật	Hà Xuân Liêm	Văn học	1997	Thơ Nôm trung đại
87	Những thế giới nghệ thuật thơ	Trần Đình Sử	Giáo dục	1997	Thơ Nôm trung đại
88	Văn học Phú Yên thế kỷ XX	Nguyễn Thị Thu Trang	Văn nghệ	2004	Ngữ văn địa phương
89	Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam (2 tập)	Nguyễn Đông Chi	Trẻ	2014	Văn học dân gian các dân tộc ít người
90	Việt Nam văn học sử yếu (tái bản)	Dương Quảng Hàm	Bộ Giáo dục, Trung tâm học liệu, Sài Gòn	1968	Văn học dân gian các dân tộc ít người
91	Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam	Viện văn học	Giáo dục	1999	Văn học dân gian các dân tộc ít người
92	Tuyển tập tâm lý	Phạm Minh Hạc	Giáo dục	2002	Tâm lý học đại cương
93	Khoa học chẩn đoán tâm lý	Trần Trọng Thủy	Giáo dục	1992	Tâm lý học đại cương
94	Hành vi và hoạt động	Phạm Minh Hạc (chủ biên)	Giáo dục	1989	Tâm lý học đại cương
95	Tâm lý học (tập 1)	Phạm Minh Hạc, Lê Khanh, Trần Trọng Thủy	Giáo dục	1988	Tâm lý học lứa tuổi và sư phạm
96	Tâm lý học	Trần Trọng Thủy (chủ biên). Nguyễn Quang Uẩn, Lê Ngọc Lan	Giáo dục	1998	Tâm lý học lứa tuổi và sư phạm
97	Bài tập thực hành Tâm lý học	Trần Trọng Thủy	Đại học Quốc gia Hà Nội	2002	Tâm lý học lứa tuổi và sư phạm
98	Bài tập thực hành giáo dục học	Nguyễn Đình Chinh	Giáo dục	1992	Giáo dục học 1
99	Lý luận giáo dục	Phan Thanh Long, Trần Quang Cán, Nguyễn Văn Diện	Đại học Sư phạm	2009	Giáo dục học 1
100	Lý luận giáo dục	Phạm Viết Vượng	Đại học Sư phạm	2005	Giáo dục học 2
101	Bài tập Giáo dục học	Phạm Viết Vượng	Đại học Sư phạm	2007	Giáo dục học 2
102	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	Phạm Trung Thanh, Nguyễn Thị Lý	Đại học sư phạm	2009	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1, 2, 3, 4
103	Nghiên cứu văn học và đổi mới phương pháp dạy học văn	Nguyễn Huy Quát	Đại học Thái Nguyên	2008	- Phương pháp dạy học môn Văn - Dạy học TPVH trong nhà trường THPT theo đặc trưng thi pháp thể loại

104	Rèn luyện tư duy sáng tạo trong dạy học tác phẩm văn chương	Nguyễn Trọng Hoàn	Giáo dục	2003		Phương pháp dạy học môn Văn
105	Giáo trình Phương pháp giảng dạy Tiếng Việt	Lê Hữu Tinh	Đại học Sư phạm Hà Nội 2	1991		Phương pháp dạy học Tiếng Việt, Làm văn
107	150 thuật ngữ văn học	Lại Nguyên Ân	Đại học Quốc gia Hà Nội	2004		- Tiến trình văn học Việt Nam - Dạy học TPVH trong nhà trường THPT theo đặc trưng thi pháp thể loại
108	Các nhà thơ cổ điển Việt Nam (tập 1 & 2)	Xuân Diệu	Văn học	1987		Tiến trình văn học Việt Nam
109	Việt Nam thi văn giảng luận	Hà Như Chi	Văn hóa Thông tin	2000		Tiến trình văn học Việt Nam
110	Thơ văn Việt Nam thế kỷ XX	Phan Cự Đệ	Giáo dục	2000		Tiến trình văn học Việt Nam
111	Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại	Trần Đình Hượu	Văn hóa thông tin	1995		Tiến trình văn học Việt Nam
112	Truyện Kiều và thể loại truyện Nôm	Đặng Thanh Lê	Khoa học và Xã hội	1979		Tiến trình văn học Việt Nam
113	Góp phần xác lập hệ thống quan niệm văn học trung đại Việt Nam	Phương Lựu	Giáo dục	1997		Tiến trình văn học Việt Nam
114	Nhà văn hiện đại (2 tập)	Vũ Ngọc Phan	Khoa học Xã hội	1989		Tiến trình văn học Việt Nam
115	Văn học Việt Nam 1945 - 1954	Bùi Việt Thắng	Đại học Quốc gia Hà Nội	2002		Tiến trình văn học Việt Nam
116	Cái đẹp trong thơ ca kháng chiến Việt Nam (1945 - 1975)	Vũ Duy Thông	Giáo dục	2000		Tiến trình văn học Việt Nam
117	Văn học dân gian Việt Nam (tập 1)	Đỗ Bình Trị	Giáo dục	1991		Tiến trình văn học Việt Nam
118	Văn học dân gian Việt Nam (tập 2)	Hoàng Tiến Tựu	Giáo dục	1990		Tiến trình văn học Việt Nam
119	Đặc điểm lịch sử văn học Việt Nam	Lê Trí Viễn	Đại học và Trung học chuyên nghiệp	1978		Tiến trình văn học Việt Nam
120	Văn học Việt Nam sau 1975 – Những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy	Nhiều tác giả	Giáo dục	2006		Tiến trình văn học Việt Nam
121	Mấy vấn đề Thi pháp văn học văn học trung đại	Trần Đình Sử	Giáo dục	1999		Thi pháp học
122	Việt Nam thi văn giảng luận	Hà Như Chi	Văn hóa Thông tin	2000		Hệ thống thể loại văn học trung đại
123	Về thi pháp thơ Đường	Nguyễn Khắc Phi – Trần	Đà Nẵng	1998		Thi pháp thơ Đường

		Đình Sử			
124	Thi pháp thơ Đường	Nguyễn Đình Phúc	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	2013	Thi pháp thơ Đường
125	Mỹ học với tư cách là khoa học	Đỗ Huy	Chính trị quốc gia	1996	Văn học, sân khấu và điện ảnh
126	Lí luận văn học	Phương Lựu (chủ biên)	Đại học Sư phạm	2012	Văn học, sân khấu và điện ảnh
127	Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ	Vũ Minh Tâm	Giáo dục	1998	Văn học, sân khấu và điện ảnh
128	Mấy vấn đề phương pháp dạy thơ văn cổ Việt Nam	Nguyễn Sĩ Cẩn	Giáo dục	1984	Dạy học tác phẩm văn học chữ Hán trong nhà trường THPT
129	Mấy vấn đề văn học cổ điển Việt Nam	Mai Cao Chương	ĐHQG TP.HCM	2015	Dạy học tác phẩm văn học chữ Hán trong nhà trường THPT
130	Giáo trình văn bản Hán văn Việt Nam	Nguyễn Ngọc San	Giáo dục	2013	Dạy học tác phẩm văn học chữ Hán trong nhà trường THPT
131	Ngôn ngữ học văn chương	Chim Văn Bé	Giáo dục Việt Nam	2016	Ngôn ngữ văn chương
132	Ngôn ngữ thơ	Phan Mậu Cảnh	Văn hóa thông tin	2008	Ngôn ngữ văn chương
133	Ngôn ngữ thơ Việt Nam	Hữu Đạt	KHXH	2011	Ngôn ngữ văn chương
134	Ngôn ngữ với văn chương	Bùi Minh Toán	GDVN	2012	Ngôn ngữ văn chương
135	Phân tích phong cách ngôn ngữ trong tác phẩm văn học	Đỗ Việt Hùng – Ngân Hoa	ĐHSP Hà Nội	2004	Ngôn ngữ văn chương
136	Ngữ nghĩa học từ bình diện hệ thống đến hoạt động	Đỗ Việt Hùng	ĐHSP	2013	Tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp
137	Giảng dạy từ ngữ ở trường phổ thông	Phan Thiều	ĐHSP	1983	Tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp
138	Từ ngoại lai trong tiếng Việt	Nguyễn Văn Khang	Giáo dục	2007	Từ Hán Việt với việc dạy Ngữ văn trong nhà trường
139	Từ vựng gốc Hán trong tiếng Việt	Lê Đình Khẩn	ĐHQG HCM	2002	Từ Hán Việt với việc dạy Ngữ văn trong nhà trường
140	Mẹo giải nghĩa từ Hán Việt và chữa lỗi chính tả	Phan Ngọc	Thanh niên	2000	Từ Hán Việt với việc dạy Ngữ văn trong nhà trường
141	Giải thích từ Hán Việt	Lê Anh Tuấn	ĐHQG Hà Nội	2006	Từ Hán Việt với việc dạy Ngữ văn trong nhà trường

142	Mở rộng vốn từ Hán Việt	Nguyễn Công Lý	ĐHQG TP.HCM	2003		Từ Hán Việt với việc dạy Ngữ văn trong nhà trường
143	Văn học dân gian trong nhà trường	Nguyễn Xuân Lạc	Văn hóa dân tộc	2012		Dạy học TPVH dân gian trong nhà trường THPT
144	Văn học phương Tây trong nhà trường	Lê Huy Bắc	Giáo dục	2006		Dạy học TPVH nước ngoài trong nhà trường THPT
145	Tác giả, tác phẩm văn học nước ngoài trong nhà trường	Lê Nguyên Căn	Giáo dục	2006		Dạy học TPVH nước ngoài trong nhà trường THPT
146	Văn học Nga trong nhà trường	Hà Thị Hòa	Giáo dục	2008		Dạy học TPVH nước ngoài trong nhà trường THPT

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

12.1. Thực hiện theo quy trình đào tạo hệ thống tín chỉ

- Giảng viên: cần đảm bảo về số lượng và chất lượng để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên. Cụ thể là:

+ Nghiên cứu, ứng dụng nhiều phương pháp dạy học tích cực; thiết kế chương trình đào tạo, biên soạn tài liệu tham khảo, đề cương chi tiết và đề cương bài giảng theo các phương pháp dạy học tích cực.

+ Tăng cường các học phần tự chọn; thay đổi định kỳ giáo trình, giáo án; kiểm soát việc tự học của sinh viên nhằm đạt kết quả học tập tốt nhất.

+ Thường xuyên nâng cao năng lực giảng dạy, nghiên cứu, cập nhật thông tin để phù hợp với sự đổi mới chương trình, giáo trình, phương thức và quy trình đào tạo theo hướng cơ bản, thiết thực, gắn với thực tiễn, cập nhật, phù hợp với đối tượng và mục tiêu đào tạo.

- Sinh viên: phải tự đề ra mục tiêu học tập và kế hoạch hành động để đạt mục tiêu đó. Cụ thể là:

+ Thực hiện đầy đủ chương trình, nội dung, kế hoạch học tập của từng phần học theo quy chế về quản lý đào tạo.

+ Có kế hoạch học tập cá nhân, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được chương trình đào tạo quy định như: tham gia học tập trên lớp, thực hành, thực tế, thực tập...

+ Có ý thức rèn luyện phần đầu trong học tập, tu dưỡng phong cách, đạo đức, tác phong nghề nghiệp trong tương lai; có tinh thần tự giác trong học tập và sinh hoạt, thực hiện nội quy, quy chế của nhà trường.

12.2. Định hướng phát triển năng lực sinh viên

- Giúp sinh viên phát triển các năng lực chuyên môn, nghề nghiệp; năng lực tự học, tự nghiên cứu; bồi dưỡng và học tập suốt đời.

- Gắn kết giữa lý thuyết và thực tiễn; tăng cường thực hành, thực tế và thực tập tại các trường THPT.

- Tăng cường ý thức trách nhiệm của bản thân đối với việc đào tạo, thực hiện dân chủ hóa trong giáo dục, tham gia vào tất cả các khâu của quá trình đào tạo.

12.3. Đảm bảo các điều kiện phục vụ đào tạo

- Phòng học, phòng thực hành:

+ Phòng học lý thuyết cần có máy chiếu; phòng thực hành nghiệp vụ cần được trang bị đầy đủ các phương tiện, thiết bị phục vụ hoạt động rèn luyện chuyên môn như bảng, máy chiếu, máy quay video, loa...

+ Phòng máy cần được trang bị đầy đủ máy tính và một số phần mềm hỗ trợ dạy học (theo yêu cầu của chương trình đào tạo); khi thực hành cần bố trí 1 máy tính/1 sinh viên.

- Thư viện, học liệu: cung cấp đủ tài liệu học tập và tài liệu tham khảo chính cho từng học phần. *ll*

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Định